

Ô CHÂU CẬN LỤC - Quyển 3

MÔN BẢN ĐỒ

Huyện Lệ Thủy: 33 làng 1 thôn

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC XÃ
1	Đại Phúc Lộc	Đại Phong	Phong Thủy, Lệ Thủy
2	Tuy Lộc		Lộc Thủy, Lệ Thủy
3	An Xá		Lộc Thủy, Lệ Thủy
4	Quần Bồi	(không còn)	
5	Ngô Xá		Sơn Thủy, Lệ Thủy
6	Tiểu Phúc Lộc	Thượng Phong	Phong Thủy, TT Kiến Giang
7	Xuân Hồi		Liên Thủy, Lệ Thủy
8	Cổ Liễu		Liên Thủy, TT Kiến Giang
9	Quy Hậu		Liên Thủy, Lệ Thủy
10	Uẩn Áo		Liên Thủy, Lệ Thủy
11	Tâm Duyệt	Tâm Duyệt	Thái Thủy, Lệ Thủy
12	An Trạch	Mỹ Trạch	Mỹ Thủy, Lệ Thủy
13	Nhân Ái	Liên Thiên	Ngư Thủy, Lệ Thủy
14	Dương Xá		Dương Thủy, Lệ Thủy
15	Thổ Ngôã	Mỹ Thổ	Tân Thủy, Lệ Thủy
16	Phò Tông	Phò Chánh	Hưng Thủy, Lệ Thủy
17	Thạch Xá	Thạch Thượng	Hồng Thủy, Lệ Thủy
		Thạch Trung	Hồng Thủy, Lệ Thủy
		Thạch Hạ	Hồng Thủy, Lệ Thủy

18	An Ché	An Định	Hồng Thủy, Lệ Thủy
19	Phụ Việt		Thanh Thủy, Lệ Thủy
20	Dân Duyệt	Mỹ Duyệt Thượng Mỹ Duyệt Hạ	Thanh Thủy, Lệ Thủy Thanh Thủy, Lệ Thủy
21	Ba Ngoạt Thượng		Thanh Thủy, Lệ Thủy
22	Ba Ngoạt Hạ		Thanh Thủy, Lệ Thủy
23	Hoà Luật	Hoà Luật Bắc Hoà Luật Nam Hoà Luật Đông	Cam Thủy, Lệ Thủy Cam Thủy, Lệ Thủy Cam Thủy, Lệ Thủy
24	Hoắc Đăng	Đăng Lộc	Cam Thủy, Lệ Thủy
25	Thủy Lan Thượng	Thủy Liên Thượng	Sen Thủy, Lệ Thủy
26	Thủy Lan Trung	Thủy Liên Trung	Sen Thủy, Lệ Thủy
27	Thủy Lan Hạ	Thủy Liên Hạ	Sen Thủy, Lệ Thủy
28	Liêm Luật	Liêm Luật	Ngư Thủy, Lệ Thủy
29	Thử Luật	Thượng Luật	Ngư Thủy, Lệ Thủy
30	Thôn Mỗi	Thủy Tú	Vĩnh Tú, Vĩnh Linh
31	Thủy Càn		Vĩnh Kim, Vĩnh Linh
32	Thủy Trung		Vĩnh Trung, Vĩnh Linh
33	Tri Kiến ⁽¹⁾	(không còn)	

Huyện Khang Lộc: 74 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Cái Xá	Thái Xá	Mai Thủy, Lệ Thủy
2	Côn Bò	Xuân Bò	Xuân Thủy, Lệ Thủy

¹ Bỏ sung, căn cứ theo phân phong tục, có nhắc đến làng này

3	Hoàng Khê	Hoàng Giang	Xuân Thủy, Lệ Thủy
4	Cư Triều	Quảng Cư	Xuân Thủy, Lệ Thủy
5	Mai Xá	Mai Thượng Mai Hạ	Mai Thủy, Lệ Thủy Xuân Thủy, Lệ Thủy
6	An Mễ	An Lão	Thái Thủy, Lệ Thủy
7	Phúc Lộc	Mỹ Lộc Thượng Mỹ Lộc Hạ	An Thủy, Lệ Thủy An Thủy, Lệ Thủy
8	Lộc Châu	Lộc An	An Thủy, Lệ Thủy
9	Thạch Bồng	Thạch Bàn Thạch Bàn Thượng	An Thủy, Lệ Thủy Phú Thủy, Lệ Thủy
10	Tân Lệ		An Thủy, Lệ Thủy
11	Châu Xá		Mai Thủy, Lệ Thủy
12	Lỗ Xá	Lộc Xá	Sơn Thủy, Lệ Thủy
13	Phạm Xá	(không còn)	
14	Lỗ Ngụy	(không còn)	
15	Chương Trình	Quy Trình	Phú Thủy, Lệ Thủy
16	Lỗ Việt	(không còn)	
17	Bùi Xá	Phú Xá	Phú Thủy, Lệ Thủy
18	Cao Xá	(không còn)	
19	An Toàn	Xuân Hòa	Hoa Thủy, Lệ Thủy
20	Võ Khuyển	(không còn)	
21	Đỗ Khúc	(không còn)	
22	Thu Thù		An Ninh, Quảng Ninh
23	Đĩnh Nại	Kim Nại	An Ninh, Quảng Ninh
24	Võ Xá		Võ Ninh, Quảng Ninh
25	Cao Ngạc	Cao Xuân	An Ninh, Quảng Ninh
26	Phúc Lương		An Ninh, Quảng Ninh

27	Hoành Phổ		An Ninh, Quảng Ninh
28	Hạ Duệ	Vinh Lộc	An Ninh, Quảng Ninh
29	Hạ Long	Lộc Long	Xuân Ninh, Q. Ninh
30	Thượng Long	Phước Long	Tân Ninh, Q. Ninh
31	Nguyệt Áng		Tân Ninh, Q. Ninh
32	Đặng Lỗ	Thế Lộc	Tân Ninh, Q. Ninh
33	Trường Dục		Hiền Ninh, Q. Ninh
34	Phúc Diễm	Phúc Duệ	Vĩnh Ninh, Q. Ninh
35	Hiền Phạm	Hiền Vinh Hiền Lộc	Duy Ninh, Quảng Ninh
36	Trương Xá	(không còn)	
37	Thượng Xá		Hoa Thủy, Lệ Thủy
38	Hàm Nhược	Hàm Hoà	Hàm Ninh, Q. Ninh
39	Viễn Tuy	Vĩnh Tuy	Vĩnh Ninh, Q. Ninh
40	Trung Trinh		Vĩnh Ninh, Q. Ninh
41	Đức Phổ		Đức Ninh, TP Đ. Hới
42	Hoàng Xá	(không còn)	
43	An Đại	Long Đại	Hiền Ninh, Q. Ninh
44	Chính Thi	Trung Nghĩa	Nghĩa Ninh, Q. Ninh
45	Văn La		Lương Ninh, Q. Ninh
46	Văn Yên	Lương Yên	Lương Ninh, Q. Ninh
47	Minh Lý	Thuận Lý	P. Bắc Lý, TP Đ. Hới P. Nam Lý, TP Đ. Hới
48	Mật Sát	(không còn)	
49	Phan Xá		Xuân Thủy, Lệ Thủy
50	Hà Cừ	thôn Hà	P. Bảo Ninh, TP Đ Hới

51	Cừ A	thôn Cừ	P. Bảo Ninh, TP Đ Hới
52	Trung Sơn	(không còn)	
53	Yêu Niều	Lý Nhơn	Nhân Trạch, Bồ Trạch
54	Lại Xá		Sơn Thủy, Lệ Thủy
55	Quất Xá	Mỹ Xá	Tân Ninh, Q. Ninh
56	Thái Xá		Thái Thủy, Lệ Thủy
57	Phúc Nhĩ		An Ninh, Quảng Ninh
58	Tả Phan		Duy Ninh, Q. Ninh
59	Hữu Đăng	Hữu Niên	Hàm Ninh, Q. Ninh
60	Lũ Đăng	(không còn)	
61	Khâm Kỳ	Phú Kỳ	Phú Thủy, Lệ Thủy
62	Hoàng Đàm		Sơn Thủy, Lệ Thủy
63	Kim Lũ		Kim Hoá, Tuyên Hoá
64	Đô Nguyễn	(không còn)	
65	Trung Quán		Duy Ninh, Quảng Ninh
66	Ngô Xá		Sơn Thủy, Lệ Thủy
67	Trung Kiến	Trung Tín	Sơn Thủy, Lệ Thủy
68	Lệ Kỳ		Vĩnh Ninh, Q. Ninh
69	Hữu Bồ	Hữu Lộc	Tân Ninh, Quảng Ninh
70	Gia Cốc		Gia Ninh, Quảng Ninh
71	Đặng Xá	Quảng Xá	Tân Ninh, Quảng Ninh
72	Cảnh Dương ⁽¹⁾	Hướng Dương	P. Đồng Đình, Đ. Hới
73	Động Hải ⁽²⁾		P. Đồng Hải, Đồng Hới
74	Hữu Phan ⁽³⁾		Tân Ninh, Quảng Ninh

^{1,2,3} Bổ sung, căn cứ theo phần phong tục có nhắc đến làng này

Châu Bó Chính: 69 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Hoành Sơn	Vĩnh Sơn	Quảng Đông, Quảng Trạch
2	Thuần Thần	Bắc Hải Nam Lãnh	Quảng Phú, Quảng Trạch
3	Tùng Chát		Quảng Tùng, Quảng Trạch
4	Di Phúc	Di Lộc	Quảng Tùng, Quảng Trạch
5	Đình Bồn	Phương Đình	Quảng Hưng, Quảng Trạch
6	Tang Du	(không còn)	
7	Thủy Vực		Quảng Hợp, Quảng Trạch
8	Đông Dương		Quảng Phương, Quảng Trạch
9	Phù Lưu		Quảng Lưu, Quảng Trạch
10	Sùng Ái	Trung Thuần	Quảng Thạch, Quảng Trạch
11	Pháp Kệ		Quảng Phương, Quảng Trạch
12	Hưởng Phương		Quảng Phương, Quảng Trạch
13	Hy Sơn	Hùng Sơn	Quảng Kim, Quảng Trạch
14	Lũ Đãng	Lũ Phong	Quảng Phong, TX Ba Đồn
15	Tiểu Đơn	Thọ Đơn	Quảng Thọ, TX Ba Đồn
16	Đại Đơn	Nghĩa Nương Tượng Sơn	Quảng Xuân, TX Ba Đồn Quảng Long, TX Ba Đồn
17	Thổ Ngõa		Quảng Thuận, TX Ba Đồn
18	An Bài	Thuận Bài	Quảng Thuận, TX Ba Đồn
19	Đơn Sa		Quảng Phúc, TX Ba Đồn
20	Trung Hòa	Mỹ Hòa	Quảng Phúc, TX Ba Đồn
21	Tân Lang	Tiên Lang	Quảng Trường, Quảng Trạch
22	Lễ Trung	Tiên Lễ Trung	Quảng Tiên, TX Ba Đồn
23	Thanh Bào	Thanh Hà	Thanh Trạch, Bó Trạch

24	Lỗ Cảng		Thanh Trạch, Bồ Trạch
25	Xuân Mai		Thanh Trạch, Bồ Trạch
26	Bồ Khê		Thanh Trạch, Bồ Trạch
27	Cao Lao Thượng		Mỹ Trạch, Bồ Trạch
28	Cao Lao Trung		Mỹ Trạch, Bồ Trạch
29	Cao Lao Hạ		Hạ Trạch, Bồ Trạch
30	Vân Lôi		Quảng Hải, TX Ba Đồn
31	Thị Lễ	Vĩnh Lộc Vĩnh Phước	Quảng Lộc, TX Ba Đồn
32	Kim Linh Thượng	Thọ Linh Thượng	Quảng Sơn, Quảng Trạch
33	Kim Linh Hạ	Thọ Linh Hạ	Quảng Sơn, Quảng Trạch
34	Thịnh Lạc	Hòa Lạc	Quảng Châu, Quảng Trạch
35	Trường Tùng	(không còn)	
36	Biểu Lễ		Quảng Trung, TX Ba Đồn
37	Tân Lễ Thượng	Tiên Lễ Thượng	Quảng Tiên, TX Ba Đồn
38	Tân Lễ Hạ	Tiên Lễ Hạ	Quảng Tân, TX Ba Đồn
39	Vĩnh Giao	Lạc Giao	Bồ Trạch
40	Lệ Sơn Thượng	Lệ Sơn	Văn Hóa, Tuyên Hóa
41	Lệ Sơn Hạ	Lệ Sơn	Văn Hóa, Tuyên Hóa
42	Phù Trạch		Quảng Lộc, TX Ba Đồn
43	Hải Hạc	Lý Hòa	Hải Trạch, Bồ Trạch
44	La Hà		Quảng Tiến, Quảng Trạch
45	Khương Hà		Hung Trạch, Bồ Trạch
46	Lương Xá	(không còn)	
47	An Mỹ		Trung Trạch, Bồ Trạch

48	La Kinh	Phú Kinh	Liên Trạch, Bồ Trạch
49	Cự Năm		Cự Năm, Bồ Trạch
50	Vũ Lao	Võ Thuận	Tây Trạch, Bồ Trạch
51	Uyên Trùng	Uyên Phong	Châu Hóa, Tuyên Hóa
52	Minh Trùng		Đức Hóa, Tuyên Hóa
53	Thanh Lãng		Hung Trạch, Bồ Trạch
54	Kim Lô	(không còn)	
55	Thông Bình	Thanh Bình	Hung Trạch, Bồ Trạch
56	Câu Lạc		Sơn Trạch, Bồ Trạch
57	Cổ Than	Cổ Giang	Hung Trạch, Bồ Trạch
58	Hoàng Trung		Bồ Trạch
59	Ba Đông	Đông Thành	Nam Trạch, Bồ Trạch
60	Lan Hương	Liên Phương	Liên Trạch, Bồ Trạch
61	Nam Liêu	Nam Phúc	Nam Trạch, Bồ Trạch
62	Hòa Duyệt		Hòa Trạch, Bồ Trạch
63	Ma Cô	Thuận Cô	Phú Trạch, Bồ Trạch
64	Phúc Lộc		Lý Trạch, Bồ Trạch
65	An Bần	An Lão	Tt Hoàn Lão, Bồ Trạch
66	Tùng Hát	Tùng Lý	Quảng Châu, Quảng Trạch
67	Bạch Thổ	(không còn)	
68	Đặng Đè	Bà Đè	Bắc Trạch, Bồ Trạch
69	Di Luân		Quảng Tùng, Quảng Trạch

Châu Minh Linh: 65 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Tùng Công	Liêm Công Tây, Liêm Công Đông	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh
2	Tân Sài	Tân Trại Thượng Tân Trại Hạ	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh Vĩnh Giang, Vĩnh Linh
3	Minh Ái	Hiền Lương	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh
4	Liên Trì	Thủy Liên	Vĩnh Kim, Vĩnh Linh
5	Cổ Trai		Vĩnh Giang, Vĩnh Linh
6	Tùng Luật		Tt Cửa Tùng, Vĩnh Linh
7	Đơn Duệ		Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh
8	Tang Ma	Gia Lâm	Vĩnh Long, Vĩnh Linh
9	Lâm Sài	Phúc Lâm	Vĩnh Long, Vĩnh Linh
10	Sa Lung	Sa Trung, Sa Nam, Sa Bắc	Vĩnh Long, Vĩnh Linh
11	Hàm Hòa		Vĩnh Long, Vĩnh Linh
12	Hồ Xá		Thị trấn HỒ XÁ, Vĩnh Linh
13	An Do	An Du Nam, An Du Đông	Vĩnh Tân, Vĩnh Linh
14	Thượng Lập		Vĩnh Long, Vĩnh Linh
15	Trung Lập		Vĩnh Long, Vĩnh Linh
16	Lai Cách		Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh
17	Xuân Mỹ	Xuân Mị	Trung Hải, Do Linh
18	Thủy Bạ		Trung Giang, Do Linh
19	Mô Nham		Vĩnh Giang, Vĩnh Linh
20	Thạch Ma	Thạch Bàn	Tt Cửa Tùng, Vĩnh Linh
21	Cổ Hiền		Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh
22	Tiên Trạo		Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh

23	Võ Tá	Mỹ Tá	Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh
24	Phan Xá		Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh
25	Hoàng Xá Thượng	Huỳnh Thượng	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh
26	Hoàng Xá Hạ	Huỳnh Hạ	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh
27	Tân Mạnh	Tân Minh	Do Thành, Do Linh
28	Nguyễn Xá	Quảng Xá	Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh
29	Lâm Cao		Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh
30	Tử Lai	Tiên Lai	Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh
31	Đặng Xá		Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh
32	Duy Viên		Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh
33	Lại Xá		
34	Thủy Ba Thượng	Thủy Ba Tây Thủy Ba Đông	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh
35	Thủy Ba Hạ		Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh
36	Võ Xá		Trung Sơn, Do Linh
37	Kinh Môn		Trung Sơn, Do Linh
38	Bùi Xá	An Xá	Trung Sơn, Do Linh
39	Lệ Môn	Lễ Môn	Do Phong, Do Linh
40	Cao Xá		Trung Hải, Do Linh
41	Da Môn		Do Phong, Do Linh
42	Hương Da	Lan Đình	Do Phong, Do Linh
43	Lại Phúc	Lại An	Do Mỹ, Do Linh
44	Phúc Thị		Do Mỹ, Do Linh
45	Hà Lạc Thượng	Hà Thượng	Tt Vĩnh Linh, Vĩnh Linh
46	Hà Lạc Hạ	Hà Thanh Hà Trung	Do Châu, Do Linh
47	Hy Nguyễn	Cảo Hy	Triệu Phước, Triệu Phong

48	Trí Tuyền	Phước Mỹ	Triệu Giang, Triệu Phong
49	Trúc Lâm		Do Quang, Do Linh
50	Vinh Hoa Thượng	Vinh Quang Thượng	Do Quang, Do Linh
51	Vinh Hoa Hạ	Vinh Quang Hạ	Do Quang, Do Linh
52	Mai Xá	Mai Xá, Mai Thị	Do Mai, Do Linh
53	Diêm Hà Thượng		Do Hải, Do Linh
54	Diêm Hà Hạ		Do Hải, Do Linh
55	Lâm Cung	Lâm Xuân	Do Mai, Do Linh
56	Duy Phiên		Triệu Phước, Triệu Phong
57	Thì Thái	Thời Hòa	Trung Hải, Do Linh
58	Xuân Lô	Xuân Long	Trung Hải, Do Linh
59	Hải Chử		Trung Hải, Do Linh
60	An Hương		Do An, Do Linh
61	Bào Phố	Cầm Phố	Do Mỹ, Do Linh
62	Thụy Khê	Thủy Khê	Do Mỹ, Do Linh
63	Nhĩ Thượng		Do Mỹ, Do Linh
64	Nhĩ Hạ		Do Thành, Do Linh
65	Nhĩ Trung		Do Thành, Do Linh

Huyện Võ Xương: 60 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Hoa Viên	Xuân Viên	Hải Dương, Hải Lăng
2	Đông Dương		Hải Dương, Hải Lăng
3	Diên Cát	Diên Khánh	Hải Dương, Hải Lăng
4	An Nghi	Đa Nghi	Hải Ba, Hải Lăng

5	Cổ Lũy		Hải Ba, Hải Lăng
6	Kim Giao		Hải Dương, Hải Lăng
7	Đơn Quế		Hải Quế, Hải Lăng
8	Phương Lang		Hải Ba, Hải Lăng
9	Cổ Kinh	Phú Kinh	Hải Hòa, Hải Lăng
10	Trung Đơn		Hải Thành, Hải Lăng
11	Tiểu Khê	Mỹ Khê	Triệu Trung, Triệu Phong
12	Văn Phong		Triệu Sơn, Triệu Phong
13	Linh Vũ	Linh An	Triệu Trạch, Triệu Phong
14	Linh Chiêu		Triệu Sơn, Triệu Phong
15	Đạo Đầu		Triệu Trung, Triệu Phong
16	Hội Yên		Triệu Trung, Triệu Phong
17	Đại Hào		Triệu Đại, Triệu Phong
18	Hòa Điều	Vân Hòa	Triệu Vân, Triệu Phong
19	Vân Đóa	Vân Tường	Triệu Hòa, Triệu Phong
20	Vân Động	Tường Vân	Triệu Trạch, Triệu Phong
21	Điều Ngao		Phường 2, TP Đông Hà
22	Thượng Đô	Thượng Nghĩa	P Đông Giang, Đông Hà
23	Hạ Đô	Đông Lai	P Đông Giang, Đông Hà
24	Lang Nha	Phương Nha	Đông Hà
25	Nhan Biều		Triệu Thượng, Triệu Phong
26	Ôn Tuyên	Lễ Xuyên	Triệu Trạch, Triệu Phong
27	Ái Tử		Tt Ái Tử, Triệu Phong
28	Trung Chỉ		P Đông Lương, Đông Hà
29	Thượng Độ		P Đông Giang, Đông Hà
30	Hạ Độ	Đại Độ	P Đông Giang, Đông Hà

31	Nghĩa Đoan	Nghĩa An	P Đông Thanh, Đông Hà
32	Cam Lộ		Tt Cam Lộ, Cam Lộ
33	Thượng Nguyên	Thượng Trạch	Triệu Sơn, Triệu Phong
34	Trà Bát	Trà Liên Đông, Tây	Triệu Giang, Triệu Phong
35	Vĩnh Phước		P. Đông Lương, Đông Hà
36	Đại Áng		P. Đông Lương, Đông Hà
37	Lai Cách	Lai Phước	P. Đông Lương, Đông Hà
38	Thanh Lê		Triệu Trung, Triệu Phong
39	Trâm Hốt	Trâm Lý	Hải Quy, Hải Lăng
40	Kỳ Trúc		Do Quang, Do Linh
41	Bích Đàm	Bích Giang	Cam Hiếu, Cam Lộ
42	An Cư		Triệu Phước, Triệu Phong
43	An Việt	Việt Yên	Triệu Phước, Triệu Phong
44	Trúc Liêu	Phú Liêu	Triệu Tài, Triệu Phong
45	Bổ Liêu		Triệu Hòa, Triệu Phong
46	Lâm Lang		Cam Thủy, Cam Lộ
47	Trương Xá		Cam Hiếu, Cam Lộ
48	Cam Đường	Cam Vũ	Cam Thủy, Cam Lộ
49	Kim Đâu		Cam An, Cam Lộ
50	Trúc Kính	Trúc Kính	Cam An, Cam Lộ
51	Trúc Giang	Trúc Khê	Cam An, Cam Lộ
52	Tiểu Áng	Phú Áng	Triệu Giang, Triệu Phong
53	Tam Vô	Tam Hữu	Triệu Trung, Triệu Phong
54	Liên Trì	Tây Trì	Ph Đông Giang, Đông Hà
55	Tài Lương		Triệu Tài, Triệu Phong

56	Phù Ba	Võ Thuận	Triệu Thuận, Triệu Phong
57	An Nhân	An Nhơn	Hải Dương, Hải Lăng
58	An Nghiệp	An Lạc	P. Đông Giang, Đông Hà
59	Ba Lăng ¹		Triệu Lăng, Triệu Phong
60	Cung Lý ²	(không còn)	

Huyện Hải Lăng: 50 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	An Thư	An Thơ	Hải Hòa, Hải Lăng
2	Vĩnh Hưng	Hưng Nhơn	Hải Hòa, Hải Lăng
3	Văn Quý	Văn Quý, Văn Trị	Hải Tân, Hải Lăng
4	Câu Nhi		Hải Tân, Hải Lăng
5	Hà Lộ		Hải Tân, Hải Lăng
6	Lăng Uyên	Lương Điền	Hải Sơn, Hải Lăng
7	Đoan Trang	Mỹ Chánh	Hải Chánh, Hải Lăng
8	Diên Sanh		Hải Thọ, Hải Lăng
9	Câu Hoan		Hải Thiện, Hải Lăng
10	Trà Trì Thượng	Trà Trì	Hải Xuân, Hải Lăng
11	Trà Trì Hạ	Trà Lộc	Hải Xuân, Hải Lăng
12	Lam Thủy		Hải Vĩnh, Hải Lăng
13	Mai Đàn		Hải Lâm, Hải Lăng
14	Hương Lan	Văn Vận	Hải Quy, Hải Lăng
15	Hương Liễu	Phương Sơn	Triệu Sơn, Triệu Phong

^{1,2} Bổ sung theo phân phong tục có nhắc đến làng này

16	Long Đồi	Long Hưng	Hải Phú, Hải Lăng
17	Đại Nại		Hải Thượng, Hải Lăng
18	An Khang	An Thái	Hải Thượng, Hải Lăng
19	Hoàng Xá	Thượng Xá	Hải Thượng, Hải Lăng
20	Xuân Lâm		Hải Lâm, Hải Lăng
21	Tích Tường		Hải Lệ, TP Quảng Trị
22	Như Lệ		Hải Lệ, TP Quảng Trị
23	Thạch Hãn		Ph 2, TP Quảng Trị
24	Cổ Thành		Triệu Thành, Triệu Phong
25	Hồng Khê	Bích Khê	Triệu Long, Triệu Phong
26	Hoa Ngạn	Phương Ngạn	Triệu Long, Triệu Phong
27	Phù Lưu		Triệu Long, Triệu Phong
28	Nha Nghi	Vệ Nghĩa	Triệu Long, Triệu Phong
29	Hữu Điều	Hữu Niên	Triệu Hòa, Triệu Phong
30	Hoa La	Bích La	Triệu Đông, Triệu Phong
31	An Lộng		Triệu Hòa, Triệu Phong
32	Hà Mi		Triệu Hòa, Triệu Phong
33	Nại Cửu		Triệu Đông, Triệu Phong
34	Dương Lệ	Dương Lệ Đông, Văn	Triệu Thuận, Triệu Phong
35	Dương Chiếu	Xuân Dương	
36	An Toàn	An Lợi	Triệu An, Triệu Phong
37	Động Giám	Đồng Giám	Triệu Độ, Triệu Phong
38	Dã Độ	Gia Độ	Triệu Độ, Triệu Phong
39	An Dã	An Dạ	Triệu Độ, Triệu Phong
40	Quảng Lượng		Triệu Đại, Triệu Phong

41	Đâu Động	Quảng Điền	Triệu Đại, Triệu Phong
42	Phúc Lộc		Triệu Thuận, Triệu Phong
43	Đại Bồi	Đại Hòa	Triệu Đại, Triệu Phong
44	Tiểu Bồi	Duy Hòa	Triệu Hòa, Triệu Phong
45	Đại Bị	Đại Lộc	Triệu Thuận, Triệu Phong
46	Tiểu Bị	Dương Lộc	Triệu Thuận, Triệu Phong
47	An Hưng		Triệu Tài, Triệu Phong
48	Hà Bá	Hà Tây	Triệu An, Triệu Phong
49	Đâu Kinh	Đâu Kênh	Triệu Long, Triệu Phong
50	Trường Sanh ⁽¹⁾		Hải Trường, Hải Lăng

Huyện Kim Trà: 63 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Dũng Quyết	Phước Tích	Phong Hòa, Phong Điền
2	Dũng Cảm	Mỹ Xuyên	Phong Hòa, Phong Điền
3	Trạch Phở		Phong Hòa, Phong Điền
4	Vĩnh Cố	Vĩnh An	Phong Bình, Phong Điền
5	An Triền	Hòa Viện Siêu Quần Vân Trình	Phong Bình, Phong Điền
6	Ưu Đàm	Ưu Diềm	Phong Hòa, Phong Điền
7	Phò Trạch		Phong Bình, Phong Điền
8	Lương Mai		Phong Chương, P Điền
9	Đường Long	Chí Long	Phong Chương, P Điền

¹ Bổ sung, căn cứ theo phân phong tục có nhắc đến tên làng này

10	Chánh Lộ	Chánh Lộc	Phong Chương, P Điền
11	Thu Hải	Phú Nông	Phong Chương, P Điền
12	Kế Môn		Điền Môn, Phong Điền
13	Cần Kiệm	Thanh Cần	Quảng Vinh, Quảng Điền
14	Trung Tuyền	Trung Đồng	Điền Hương, Phong Điền
15	Ba Lãng		Phú Xuân, Phú Vang
16	Bình Trị	Vĩnh Trị	Hải Dương, Hương Trà
17	Kế Chung	Kế Sung	Phú Diên, Phú Vang
18	Hòa Duân		Phú Thuận, Phú Vang
19	Thủy Bạt	Thủy Tú	Hương Vinh, Hương Trà
20	Hải Trình		Phú Thanh, Phú Vang
21	Nguyệt Biều		Thủy Biều, TP Huế
22	An Truyền		Phú An, Phú Vang
23	Thụy Lôi	Phú Xuân	Ph Tây Lộc, Ph Xuân Phú, TP Huế
24	An Cựu		Ph An Cựu, Ph An Đông, Ph An Tây, TP Huế
25	Dương Phẩm		Ph Phú Hội, TP Huế
26	Trúc Lâm		Ph Hương Long, TP Huế
27	Thế Lại	Thế Lại Thượng Thế Lại Hạ	Ph Phú Hiệp, TP Huế Ph Hương Sơ, TP Huế
28	Nhạc Nô	Nhạc Hộ	Ph Phú Hiệp, TP Huế
29	An Đô		Hương Chử, TX Hương Trà
30	An Hòa		Ph An Hòa, TP Huế
31	Kim Ngọc		Hương Thọ, TX Hương Trà
32	Bình Lâm	An Bằng	Hương Thọ, TX Hương Trà

33	Hà Khê	Xuân Hòa	Ph Hương Long, TP Huế
34	Kim Long		Ph Kim Long, TP Huế
35	Liễu Cốc	Liễu Cốc Thượng, Nam Liễu Cốc Hạ	Hương Xuân, TX Hương Trà Hương Toàn, TX Hương Trà
36	Bộc Môn	Định Môn	Hương Thọ, TX Hương Trà
37	Phụ Ô		Hương Chử, TX Hương Trà
38	Bồn Chử	Bồn Trì	Hương An, TX Hương Trà
39	Mai Quán	An Quán	Ph Phú Hậu, TP Huế
40	Quán Khách	Lương Quán	Ph Thủy Biều, TP Huế
41	Long Hồ	Long Hồ Thượng, Hạ	Ph Hương Hồ, TP Huế
42	Lựu Bảo		Ph Hương Hồ, TP Huế
43	Viễn Trinh		Phú Đa, Phú Vang
44	Bình Lãng	Bằng Lãng	Thủy Bằng, TX Hương Thủy
45	Vĩnh Áng	Vĩnh Xương	Điền Môn, Phong Điền
46	Lương Viện		Phú Đa, Phú Vang
47	Thai Dương	Thai Dương Thượng Thai Dương Hạ Thai Dương	Hải Dương, Hương Trà Hải Dương, Hương Trà Tt Thuận An, Phú Vang
48	Quy Lai		Phú Thanh, Phú Vang
49	Thạc Lại		Ph Hương Sơ, TP Huế
50	An Ninh	An Ninh Thượng, Hạ	Ph Hương Long, TP Huế
51	Quê Chử		Hương Chử, TX Hương Trà
52	Bồn Phở		Hương An, TX Hương Trà
53	Chử Hồ	Thanh Chử	Hương An, TX Hương Trà

54	Phi Thát	Dương Xuân	Thủy Xuân, TP Huế
55	Hương Triền	Thanh Hương	Điền Hương, Phong Điền
56	La Chử		Hương Chử, TX Hương Trà
57	Dương Hóa	Dương Hòa	Dương Hòa, TX Hương Thủy
58	Cư Hóa	Cư Chánh	Thủy Bằng, Hương Thủy
59	Vĩ Dạ	Vĩ Dạ	Ph Vũ Dạ, TP Huế
60	Quần Mao	(không còn)	
61	Kim Bồng ⁽¹⁾	Hòa An	Phú Thanh, Phú Vang
62	Xuân Dương ⁽²⁾		Ph Phú Hiệp, TP Huế
63	Hải Cát ⁽³⁾		Hương Thọ, TX Hương Trà

Huyện Đan Điền: 54 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Tây Thành		Quảng Thành, Quảng Điền
2	Hà Cung	An Dương	Phú Thuận, Phú Vang
3	An Mục	An Lỗ	Phong Hiền, Phong Điền
4	Tiền Thành		Hương Phong, Hương Trà
5	Vân Quật	Vân Quật Thượng Vân Quật Đông	Hương Phong, Hương Trà
6	Hoài Lai	Phong Lai Lai Trung Lai Thành	Quảng Thái, Quảng Điền Quảng Vinh, Quảng Điền Hương Vân, Hương Trà
7	Sa Đồi	Kim Đồi	Quảng Thành, Q Điền
8	Sa Ngạn	Phú Ngạn	Quảng Thành, Q Điền
9	Tam Chế	Xuân Tuyền	Quảng Phú, Quảng Điền

^{1,2,3} Bổ sung, căn cứ theo phần phong tục có nhắc đến tên làng này

10	Đan Lương	Phú Lương A Phú Lương B	Quảng Thành, Q. Điền Quảng An, Quảng Điền
11	La Vân	La Vân Thượng, Hạ	Quảng Thọ, Quảng Điền
12	Bác Vọng	Bác Vọng Đông, Tây	Quảng Phú, Quảng Điền
13	Niêm Phò		Quảng Thọ, Quảng Điền
14	Đông Dã	Đông Dạ	Phong An, Phong Điền
15	Nam Phù		Quảng Phú, Quảng Điền
16	Nghĩa Lộ		Quảng Phú, Quảng Điền
17	Vân Căn		Tt Sịa, Quảng Điền
18	Hoa Lang	Hiền Lương	Phong Hiền, Phong Điền
19	Sơn Tùng		Quảng Vinh, Quảng Điền
20	Ông Gia	An Gia	Tt Sịa, Quảng Điền
21	Đông Lâm		Quảng Vinh, Quảng Điền
22	Bao La		Quảng Phú, Quảng Điền
23	Hà Cảng		Quảng Phú, Quảng Điền
24	Thượng Lộ	Thượng An	Phong An, Phong Điền
25	Bồ Điền		Phong An, Phong Điền
26	Bái Đáp	Phú Lễ	Quảng Phú, Quảng Điền
27	Phò Đái	Phò Ninh	Phong An, Phong Điền
28	Đức Trọng		Quảng Vinh, Quảng Điền
29	Hạ Lang		Quảng Phú, Quảng Điền
30	Lỗ Xá	Mỹ Xá	Quảng An, Quảng Điền
31	Đông Xuyên		Quảng An, Quảng Điền
32	Phò Lê	Khuông Phò Đông Khuông Phò Nam	Quảng Phước, Q. Điền Tt Sịa, Quảng Điền
33	Cổ Bi		Phong Sơn, Phong Điền

34	Lại Bình	Lại Bằng	Hương Vân, TX H. Trà
35	Khúc Ốc	Phú Ốc	Tt Tứ Hạ, Hương Trà
36	Võ Xá	Văn Xá	Hương Văn, Hương Trà
37	Thanh Kê	Thanh Lương	Hương Xuân, Hương Trà
38	Dương Loan	Dương Sơn	Hương Toàn, Hương Trà
39	Đào Cù	Vân Cù	Hương Toàn, Hương Trà
40	Hương Cần		Hương Toàn, Hương Trà
41	Hồ Đình	Cổ Lão	Hương Toàn, Hương Trà
42	Tân Bả	Tiên Lộc	Hương Xuân, Hương Trà
43	Cổ Tháp		Quảng Vinh, Quảng Điền
44	Thế Chí	Thế Chí Đông Thế Chí Tây	Điền Hải, Phong Điền Điền Hòa, Phong Điền
45	Tráng Liệt	Tráng Lực	Tt Sịa, Quảng Điền
46	Thạch Bình		Tt Sịa, Quảng Điền
47	Toàn Vũ	Thành Công	Quảng Công, Quảng Điền
48	Hiền Sĩ		Phong Sơn, Phong Điền
49	Sài Tang	Nho Lâm	Quảng Phú, Quảng Điền
50	Phổ Lại		Quảng Vinh, Quảng Điền
51	Nam Bi	Nam Dương	Quảng Vinh, Quảng Điền
52	Thủ Lễ	Thủ Lễ Đông Thủ Lễ Nam	Quảng Phước, Q Điền Tt Sịa, Quảng Điền
53	Lương Cổ ⁽¹⁾		Quảng Thọ, Q Điền
54	Phò Nam ⁽²⁾		Quảng Thọ, Quảng Điền

^{1,2} Bổ sung theo phân phong tục có nhắc đến tên làng này.

Huyện Tư Vinh: 69 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Triều Sơn	Triều Sơn Tây Triều Sơn Đông, Nam Triều Sơn Trung	Hương Sơ, TP Huế Hương Vinh, TX H Trà Hương Toàn, TX H Trà
2	Hoài Tài	Mậu Tài	Phú Mậu, Phú Vang
3	Hoảng Phúc	Thanh Phước	Hương Phong, TX H Trà
4	Lại Ân		Phú Mậu, Phú Vang
5	Tân Lan	Thanh Tiên	Phú Mậu, Phú Vang
6	Võng Trì		Phú Mậu, Phú Vang
7	Tân Nộn	Tiên Nộn	Phú Mậu, Phú Vang
8	Triêm Ân		Phú Mậu, Phú Vang
9	Vĩnh Lại		Phú Thanh, Phú Vang
10	Lại Thị	(không còn)	
11	Độ Khẩu	Thuận Hòa	Hương Phong, H Trà
12	Hà Lương	Thanh Hà	Quảng Thành, Q Điền
13	Bao Vinh		Hương Vinh, TX H Trà
14	Địa Linh		Hương Vinh, TX H Trà
15	Tri Lễ		Ph Hương Sơ, TP Huế
16	Bao Thu	Bao Mỹ	Ph Hương Sơ, TP Huế
17	Lễ Khê		Ph Hương Sơ, TP Huế
18	Cổ Bư		Ph Hương Sơ, TP Huế
19	Đức Bư		Ph Hương Sơ, TP Huế
20	Dương Xuân		Ph Hương Sơ, TP Huế
21	Thế Vinh		Phú Mậu, Phú Vang
22	La Khê		Hương Vinh, TX H Trà

23	La Miên	La Ý	Phú Thượng, Phú Vang
24	Quán Khách	Nghĩa Quán	Phú Dương, Phú Vang
25	Phổ Trì		Phú Thượng, Phú Vang
26	Nam Phổ	Phổ Tây, Phổ Đông, Phổ Nam, Phổ Thượng, Phổ Trung	Phú Thượng, Phú Vang Phú Thượng, Phú Vang Phú Thượng, Phú Vang
27	Dương Nỗ	Dương Nỗ Cồn, Tây, Đông, Nam Tây Thượng	Phú Dương, Phú Vang Phú Thượng, Phú Vang
28	Lưu Bạ	Lưu Khánh	Phú Dương, Phú Vang
29	Phò Lỗ	Phò An	Phú Dương, Phú Vang
30	Phỉ Tha	Phú Khê	Phú Dương, Phú Vang
31	Thạch Căn		Phú Dương, Phú Vang
32	Đường Pha	Ngọc Anh	Phú Thượng, Phú Vang
33	Lại Thế		Phú Thượng, Phú Vang
34	Chiết Bi		Phú Thượng, Phú Vang
35	Dưỡng Mông	Dưỡng Mông Thượng Dưỡng Mông Hạ	Phú Mỹ, Phú Vang Vinh Thái, Phú Vang
36	Mộc Linh	Phước Linh	Phú Mỹ, Phú Vang
37	Võ Vệ	Vinh Vệ	Phú Mỹ, Phú Vang
38	An Lưu		Phú Mỹ, Phú Vang
39	Thanh Lam	Mỹ Lam Thanh Lam Thượng Thanh Lam Trung, Thanh Lam Bờ	Phú Mỹ, Phú Vang Thủy Phương, Tx. H. Thủy Phú Đa, Phú Vang
40	Phấn Vũ	Vân Dương	Thủy Vân, Hương Thủy

41	Mộc Hàn	Xuân Hòa	Thủy Vân, Hương Thủy
42	Công Minh	Công Lương	Thủy Vân, Hương Thủy
43	Dã Lê	Dạ Lê Chánh Dạ Lê Thượng	Thủy Vân, Hương Thủy Thủy Phương, H Thủy
44	Vân Thê		Thủy Thanh, Hương Thủy
45	Lê Xá	Lê Xá Đông Lê Xá Tây Lê Xá Trung	Phú Lương, Phú Vang Phú Lương, Phú Vang Phú Lương, Phú Vang
46	Ôn Tuyên	Thanh Thủy Chánh Thanh Thủy Thượng	Thủy Thanh, Hương Thủy Thủy Dương, H. Thủy
47	Đồng Hồ	Tây Hồ	Phú Hồ, Phú Vang
48	Đồng Di	Đồng Di Đông, Đồng Di Tây	Phú Hồ, Phú Vang
49	Đông Hồ	Đông Sơn, Đông Lộc	Phú Xuân, Phú Vang
50	Diên Đại		Phú Xuân, Phú Vang
51	Văn Sát	Văn Giang Đông Văn Giang Trung, Văn Giang Tây	Phú Lương, Phú Vang Phú Lương, Phú Vang
52	Lang Xá	Lang Xá Bàu Lang Xá Cồn	Thủy Thanh, Hương Thủy Thủy Thanh, Hương Thủy
53	Lương Văn		Thủy Lương, H Thủy
54	Tô Đà		Thủy Tân, Hương Thủy
55	Phù Bài		Thủy Phù, Hương Thủy
56	Minh Nông	An Nông	Lộc Bồn, Phú Lộc
57	Phạm Lang	Lương Lộc	Phú Lương, Phú Vang
58	Ba Lỗi	(không còn)	
59	Cao Đồi		Lộc Trì, Phú Lộc
60	La Ngã	(không còn)	

61	Hà Đá	Hòa Đa Đông, Hòa Đa Tây	Tt Phú Đa, Phú Vang
62	Diêm Trường		Vinh Hưng, Phú Lộc
63	Phụng Chánh		Vinh Hưng, Phú Lộc
64	Vinh Hoài	Vinh Hòa	Vinh Hiền, Phú Lộc
65	Đông Dương		Vinh Hiền, Phú Lộc
66	Tân Chu	Nghi Giang	Vinh Giang, Phú Lô
67	Duy Sơn	La Sơn	Lộc Sơn, Phú Lộc
68	Sư Lỗ ⁽¹⁾	Sư Lỗ Đông, Tây	Phú Hồ, Phú Vang
69	Triều Đông ⁽²⁾	Triều Thủy	Phú An, Phú Vang

Huyện Điện Bàn: 66 làng

STT	TÊN LÀNG	ĐỔI TÊN	NAY THUỘC
1	Đức Ký		Điện Thọ, Điện Bàn
2	Nông Sơn		Điện Phước, Điện Bàn
3	Bất Nhị		Điện Phước, Điện Bàn
4	Đông Bàn		Điện Trung, Điện Bàn
5	Hoa Thử	Phong Thử	Điện Thọ, Điện Bàn
6	Đa Thử	Đa Hòa	Điện Hồng, Điện Bàn
7	Kỳ Ba	Kỳ Lam	Điện Thọ, Điện Bàn
8	Giáng La		Điện Thọ, Điện Bàn
9	Cẩm Đăng	Cẩm Văn	Điện Hồng, Điện Bàn
10	Ô Kha	(không còn)	
11	Lỗi Sơn	Cẩm Sơn	Điện Tiến, Điện Bàn

^{1,2} Bổ sung theo phần phong tục có nhắc đến tên làng này

12	Thạch Bờ		Hòa Phong, Hòa Vang
13	Tử Sa	Ngọc Sa	Điện An, Điện Bàn
14	Giáo Ái		Điện Hồng, Điện Bàn
15	Bồn Khúc	Thu Bồn	Duy Tân, Duy Xuyên
16	Lệ Sơn		Hòa Tiến, Hòa Vang
17	Da Cốc	Gia Cốc	Đại Minh, Đại Lộc
18	Bàng Trạch	Bàng Tân	Đại Đồng, Đại Lộc
19	Ái Đái	Ái Nghĩa	Tt Ái Nghĩa, Đại Lộc
20	Phiêm Ái		Đại Nghĩa, Đại Lộc
21	Kim Nê	Cẩm Nê	Hòa Tiến, Hòa Vang
22	Yến Nê		Hòa Tiến, Hòa Vang
23	Thúy Loan	Túy Loan	Hòa Phong, Hoà Vang
24	Kim Toại	Cẩm Toại	Hòa Phong, Hòa Vang
25	Diêm Sơn	Diêm Sơn	Điện Tiến, Điện Bàn
26	Quảng Hóa	Quảng Huế	Đại Hòa, Đại Lộc
27	Thị Phụ	Thị An	Hòa Quý, Hòa Vang
28	Hoa Hồ	Đông Hồ	Điện Hòa, Điện Bàn
29	Liên Trì		Hòa Liên, Hòa Vang
30	Quá Giản	Quá Gián	Hòa Phước, Hòa Vang
31	Lai Nghi		Điện Nam, Điện Bàn
32	Phong Hồ		Điện Nam, Điện Bàn
33	Giản Đông	Gián Đông	Hòa Châu, Hòa Vang
34	Minh Châu	Quang Châu	Hòa Châu, Hòa Vang
35	Kim Sa	Cẩm Sa	Điện Nam, Điện Bàn
36	Bình Sa	(không còn)	
37	Bích Trâm		Điện Hòa, Điện Bàn

38	Hà Khúc	Hạ Nông	Điện Phước, Điện Bàn
39	Lôi Trạch	Phú Trạch	Quế Phú, Quế Sơn
40	Mông Lãnh		Quế Phú, Quế Sơn
41	Mông Nghệ		Quế Phú, Quế Sơn
42	Địch Khang	Địch Thái	Quế Sơn
43	Thọ Khang	An Thái	Quế Sơn
44	Phú Khang	Phú Thái	Quế Sơn
45	Chiêm Sơn		Duy Sơn, Duy Xuyên
46	Trà Đình		Quế Sơn
47	Vân Quật		Duy Thành, Duy Xuyên
48	Thị Lại	Thị Lai	Duy Thành, Duy Xuyên
49	Lang Châu		Duy Phước, Duy Xuyên
50	Mạc Xuyên	Mỹ Xuyên Đông, Tây	Tt Nam Phước, Duy Xuyên
51	Hoài Phố	Sơn Phố	Ph Cẩm Châu, TP Hội An
52	Cẩm Phố	Cẩm Phố	Ph Cẩm Phố, TP Hội An
53	Bản Cố	Bản Thạch	Duy Vinh, Duy Xuyên
54	Kim Lũ	Cẩm Lũ	Điện Phong, Điện Bàn
55	Nhân Triêm	Phú Triêm	Điện Phương, Điện Bàn
56	Uất Lũy		Tt Vĩnh Điện và Điện Minh, Điện Bàn
57	Duyên Đồ	(không còn)	
58	Cẩm Lệ		Hòa Thọ, Hòa Vang
59	Cúc Lũy	Khúc Lũy	Điện Minh, Điện Bàn
60	Lỗ Giản	Lỗ Gián	Hòa Xuân, Hòa Vang
61	Thạc Giản	Thạc Gián	P.Thạc Gián, Thanh Khê, TP Đà Nẵng

62	Vân Dương		Hòa Liên, Hòa Vang
63	Kim Quát	Thanh Quýt	Điện Thắng, Điện Bàn
64	Hóa Khuê	Hóa Khuê Đông, Tây	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng
65	Kim Khuê	Khuê Bắc, Khuê Trung	Khuê Trung, Hải Châu, TP Đà Nẵng
66	Đại Đái	Đại Lợi	Đại Nghĩa, Đại Lộc

MÔN PHONG TỤC

Tổng luận

Tiết trời thì mùa xuân, mùa hạ thường nắng, mùa thu, mùa đông thường mưa. Trồng lúa thì vụ hè thường nhiều, vụ thu vẫn ít. Nói về khí hậu, thì lạnh ít, nóng nhiều. Nói về địa hình, thì non cao biển rộng. Giữa mùa hạ, bão tố dấy nhiều, tiết trung thu ít lúc trăng sáng. Lụt lội thì mặc cho tràn ngập chẳng đê ngăn. Nhà ở lợp tranh lá, không có ngói để che. Ngàn dặm đường xa tuyệt không có quán. Trọn một ngày, nước biển có hai lượt thủy triều.

Về người, thì nam vẫn cương cường, nữ quen mềm mại. Tiếng nói giống tiếng châu Hoan, y phục so với Trung Hoa chẳng khác. Nơi đồng bằng, làm ruộng nuôi tằm, miền ven biển làm nghề mắm muối. Cửa thổ nơi vốn chẳng giống nhau, nhưng rượu cất là thức uống thật ngon. Sơn hào hải vị, sản vật vốn nhiều tôm cá đánh ở biển, hồ, không đâu không có. Gỗ củi lấy ở núi rừng, tùy nhà dùng đủ. Xóm làng đông đúc, tiếng gà gáy, chó sủa cùng nghe. Cỏ nước đầy đủ, bày trâu chăn thả khắp đồng. Bên ruộng công còn có ruộng khẩn riêng, ngoài thuế ruộng, còn có nhiều thuế khác. Sông hồ chẳng chịt, đi thuyền tiện hơn đi bộ. Đất đai màu mỡ, được lúa chẳng cần khó nhọc. Áo tơi là loại che mưa lạnh, nhựa trám dùng thắp đèn sáng. Xuân sang mở hội đua bơi, lúa là chen chúc. Hạ tới trái chiếu giầu thắm, ca múa tung bùng. Có người có cửa, tùy thói tùy lẽ. Tháng tư tháng năm dưỡng lúa ngoài ruộng, quá kỳ vẫn chưa thu hoạch. Tháng sáu tháng bảy thả trâu giữa đồng, trái cả tuần không chăn dắt. Mua bán thì tùy nơi đong lẩy, tuy ba học lúa vẫn chẳng quá hai tiền. Việc ăn uống thì xa xỉ không chừng, tuy vài lăm lúa chẳng dùng năm trọn. Gà gáy lần ba, người người đi chợ, mới đầu canh năm, nơi nơi ra đồng. Cày thì kết cả đôi trâu, mà cái cày đặt giữa. Bừa thì có dáng cái giường, mà người đứng ở trên. Nhà tuy có nhiều thóc lúa, trong túi cũng không chút bạc vàng. Lễ tang

thì chôn cất nhanh chóng, không có lễ cúng sớm cúng chiều để thờ phụng mẹ cha. Tế lễ thì chuộng lập đàn trai bạt, đến sạt của hàng vạn muôn, ngõ cầu cạnh Phật. An táng thì ca múa trước linh cữu, tên gọi đưa linh. Giỗ đầu thì cúng tế vào lúc gà gáy canh đầu, gọi là giỗ trộm.

Còn như hội họp ở đình thì sớm nhóm đến chiều mới tan, tiêu tốn trả đến năm sau. Nơi ca múa thì gióng trống thúc giờ, vui trọn cả đêm. Lễ nạp sính chỉ dùng tiền mất ngỗng làm đồ dẫn cưới. Mỗi khi cầu đảo, thì dùng lễ mọn con gà mà bày nghi thức hát ca.

Gái làng *An Trạch*⁽¹⁾ gọi chồng không tau thì mi. Dân làng *Thổ Ngõa* gọi trâu không vua thì trời. Thói xấu cũ còn nhiều, giáo hóa mới vẫn ít. Đi cấy thuê mà giờ thối trong dâu⁽²⁾, đến nổi thành thai. Bày bắt cá mà thói sông Kỳ⁽³⁾ càng nhiễm. Làng *An Lại*, *Mai Xá* ở Khang Lộc trót nhiễm dâm phong. Dân *Tùng Chắt*, *Phù Lưu* ở Bồ Chánh còn môn thuốc độc. Người làng *La Giang* còn nói tiếng Chiêm, mặc váy Chiêm thì gái làng *Thủy Bạt*. Dân *Hoài Tài*, *Tân Lạn*, *Đan Lương* nửa phần nhiễm thói mây mưa. Dân *Bao Vinh*, *Lại Ân*, *Thế Lại* vẫn còn tục sông Giang, sông Hán⁽⁴⁾. Thói tích mãi thành quen, bởi có nguyên nhân cả.

Phủ Triệu Phong

Huyện Đan Điền

Làng *La Vân* có nếp văn vật, làng *Khúc Ốc* bày thói xướng ca. Lúa *Niêm Phò* còn thô, vải *Thế Chí* đã mịn. Lúa má đầy đồng *Đông Dã*, gái trai tụ ở *Tây Thành*. *Bác Vọng* đóng đặng bắt cá, *Thủ Lễ* đánh cá bằng lưới giăng. *Phò Nam* giặt lúa nhiều hồ, *Lương Cổ* xeo giấy to như trường. Trai *Lại Bằng* nhiều kẻ ăn no, gái *Đan Lương* khéo lo chống đói. Chợ *Bái Đáp* họp lúc giữa trưa, người *Đan Lương* dậy lúc nửa đêm. *Thủ Lễ* nhiều người tinh tế, *Lại Bằng* nhiều vật hiếm. Còn như kẻ ác làng *Phò Lê*, giết vợ thái bộc mà cưỡng gian con gái, bọn

¹ Bản chữ Hán ghi là Trạch An, khảo đính là An Trạch.

² Theo ý thơ bài “*Tang Trung*” (Trong dâu) của Kinh Thi, chỉ nơi hò hẹn của trai gái.

³ Cũng có nghĩa như trên.

⁴ Theo ý thơ bài “*Hán Quảng*” của Kinh Thi chỉ nơi có nhiều gái trắng hoa.

làm loạn ở *Bồ Điền* đem dân trong hạt mà đánh đuổi đô ty, những việc như thế há chẳng là cặn bã của *Đan Điền* ư?

Huyện Kim Trà

Làng *Liễu Cốc* có nếp nho phong, làng *Trúc Lâm* còn nhiều hủ tục. Lưới làng *Thụy Lô* rất tốt, vải làng *Nhạc Nô* còn thô. *Thạc Lại* nhiều nhà giàu lắm thóc, *Hà Khê* một nửa gái lơ thì. Con gái *Tân Quán* yêu kiều, con trai *Thế Lại* du đãng. Gái *Vĩnh Cốc* dệt gấm thêu hoa, người *Dũng Cảm* nung đất làm gốm. Dùng trâu kéo guồng ép mía có làng *Cư Hóa*⁽¹⁾, *Thụy Lô*. Đánh cá bằng bủa lưới có làng *Thủy Bạt*, *Xuân Dương*. Còn như kẻ gian tế làng *Thế Lại*, tham tiền thưởng của *Hoàng Khê* mà bắt quan *Hiển ty*, dân buống làng *Đốc Sơ* cướp tài sản *Bích Động* mà cưỡng gian ái thiếp, những loại như thế há chẳng làm nhơ nhục *Kim Trà* sao?

Huyện Tư Vinh

Người *Lại Thế* làm quan không dứt, làng *Lại Ân* văn thái xứng sao. *An Lưu* nhiều trai khỏe, *Lại Thị* nhiều phú thương, gắng sức nghề nông có dân *Triều Đông*, *Hoằng Phúc*. Giỏi nghề buôn bán có người *Độ Khẩu*, *Triêm Ân*. *Hoài Tài* chế mực, *Thanh Lam* xeo giấy. Xẻ ván đóng thuyền có dân *Diêm Trường*, *Phụng Chánh*. Rèn sắt thành khí là dân *Tân Lạn*, *Hoài Tài*. *Tân Nộn* rượu ngon, *Phi Tha* gái đẹp. Người trinh phụ làng *Thế Lại* lập đàn, thề thủ tiết thờ chồng. Trai *Lại Thị* bõn trò, chồng cỡi lên cao chín lớp. Có nơi hoa tường liễu ngõ, đáng vẽ yêu kiều; có nơi tiếng Huế vấy *Chiêm*, tục còn quê kệch. Đến như người đàn bà *Triêm Ân* lui tới chốn thế gia, gã đãng tử *Lại Ân* thông gian với thím, thì vinh hay nhục?

Huyện Võ Xương

Dân *Đạo Đầu* làm có công phu, dân *Văn Phong* ở ăn thuần mỹ. Người *An Nhơn* mở mang đồng ruộng, kho lẫm đầy thừa. Làng *An Nghiệp* cỏ nước tốt tươi, súc vật phồn thịnh. Giấy làng *Phương Lang* lớn tựa bức màn; thóc *Đơn Quế* chất đồng như gò. Người *Đông Dương* nhân khi gió rét, ém cửa hang để đấm lợn rừng.

¹ Bản A.263 chép là *Vạn Hóa*, khảo chính là *Cư Hóa*.

Ghe thuyền *Cổ Kinh* lưu thông thuận tiện, người *Ôn Tuyên* phong tục rất hay. *Ái Mẫu*, *Ái Tử* sao nữ bán cho lương dân, *An Nghiệp*, *An Cư* sợ còn chưa thoát khỏi đường *sanh lý*. Thậm chí người *Ba Lãng* trở mặt mà lột áo của *Đô ty*. *Cung Lý* cam lòng mà theo đảng giặc, là võ hay là bạo tàn?

Huyện Hải Lãng

Câu Nhi có người anh tuấn, *Hoa La* nổi tiếng văn học. *Diên Sanh* có nhiều người mạnh khỏe, *Hà Lộ* chẳng theo bọn giặc, *Vĩnh Hưng* có chí chuộng văn. Người làng *Đoan Trang* khá chất phác, *Văn Quỹ* có kẻ trung nghĩa, thà chịu cắt tai, người *Phù Ba* hào hùng coi thường hung bạo. Trai *Phù Lưu* gánh vác bán buôn, gái *Đại Bị* tính tình cứng cỏi. *Long Đồi* chuyên bán lương dân, *Lam Thủy* quyết theo đảng ác.

Phong tục Hải Lãng thuần hậu vốn nhiều, kiêu bạc thì ít như thế.

Huyện Điện Bàn

Đất đai liền với phương Nam, cương giới bên ngoài châu Ô. Dân lấy thóc làm giàu, nhà nông dùng trâu đập lúa. Xe tiện chuyên chở đường bộ, thuyền thuận lợi đường sông. Vườn *Mạc Xuyên* trồng lắm hoa hồng, người *Lang Châu* dệt nhiều lụa trắng. Làng *Hóa Khuê*, *Cẩm Lệ* đóng cừ gỗ để ngăn cá sấu; làng *Lỗi Sơn*, *Chiêm Sơn* dựng rào gỗ để phòng cọp dữ. Phụ nữ mặc quần vải Chiêm, đàn ông tay cầm quạt Tàu. Phân biệt sang hèn, chén bát không vẽ rồng thì phượng; thứ bậc tôn ti, áo quần không màu tía thì điều. Phong tục Điện Bàn hậu nhiều, bạc ít như thế.

Phủ Tân Bình

Huyện Khang Lộc

Con trai *Võ Khuyển* ra sức cấy cày, con gái *Trường Dục* chăm việc tầm tang, người *Hà Cừ*, *Động Hải* theo nghề mắm muối, dân *Thạch Bồng*, *Tân Lệ* làm nghề rớ cá. Trai *Ngô Xá* ham chơi, gái *Ngô Xá* xinh đẹp. Trai *Phúc Lộc*, anh em dạy bảo nhau học hành, dân *An Toàn* già trẻ học thói trộm trâu. Đất *Bùi Xá* ruộng nhiều, dân *Ngô Xá* người ít. *Thạch Bồng* đi trộm, *Kim Lũ* trèo nhà. Làng *An Toàn* lắm trai hung bạo, *Tri Kiến* nhiều gái góa chồng. Người *Cái Xá* có tài đặt mộ, đàn bà *Hoành Phố* xem được thế mây.

Núi tên Bất Nghĩa, nào quên kẻ phản quốc loạn thần, làng gọi *Cư Triền* hẳn tỵ kẻ phá gia đặng tử. *Hiển Phạm* cha chẳng ra cha, gian dâm với cả con dâu, *Phúc Lộc* con chẳng ra con, thông dâm với thiếp của bố. Đó là bại tục, nữ nào nói thêm.

Huyện Lệ Thủy

Tâm Duyệt của nhiều, đời đời giàu có. Người vợ góa ở làng *An Xá*, đời khen tiết nghĩa. *Thử Luật* chài cá mru sinh, *Hòa Luật* làm nghề xẻ ván. Bốn làng *Thủy Lan*, *Thủy Trung*, *Hoắc Đặng*, *Ba Ngoạt* giỏi nghề bắt hồ; hai làng *Ngô Xá*, *Quần Bối* đánh cá có nghề. *Tuy Lộc* có lăm rượu ngon, *Cổ Liễu* lại nhiều con hát. Xe *Dân Duyệt*, đường núi tiện đi; thuyền *Tiểu Phúc* lợi vùng sông nước. *Ba Ngoạt* mênh mông mặt nước, *Thạch Xá* cao vút núi non. Gái *Thổ Ngõa* nhiều kẻ lên rừng, trai *Tuy Lộc* lăm người xuống chợ. Người *Nhân Ái* có tục gì mà gọi trâu cày là trời là vua; dân *Đại Phúc* thân thích thế nào mà nhận núi, hồ là cha là mẹ. Gái góa làng *Tuy Lộc* nhiều người khinh bạc, con gái làng *Ngô Xá* lăm kẻ điêu ngoa. Thói quen trở thành tập tục, còn quái lạ gì?

Châu Minh Linh

Làng *Sa Lung* lăm nhà hào mục, đất *Tùng Công* nhiều kẻ phú gia. *Phan Xá* giữ nét đẹp nho phong, *Kinh Môn* nhiều hương trầm thủy. Rượu mật ong ở *Tùng Công* ngon nhất, cá sông có nhiều ở *Mai Xá*. *Thì Thái* buôn bán có lời, *Cổ Trai* biển khơi làm nghiệp. *Liêm Luật*, *Tùng Luật* giỏi nghề đánh cá, *Đơn Duệ*, *Lân Trì* bẫy thú khéo tay.

Còn như chuyện gã đặng tử làng *Đơn Duệ* bội bạc với thầy, người đàn bà ở *Sa Lung* ngang ngạnh mắng chồng, phải chăng là lòng người không tuân nếp cũ mà ra thế chẳng?

Châu Bó Chính

Cao Lao, *Thị Lễ* theo học văn nho, *Đại Đan*, *Tiểu Đan* giỏi nghề đánh vật. *Thị Lễ* còn nuôi lăm trâu, *Lệ Sơn* trồng trọt nhiều cau. *Câu Lạc*, *Cổ Than* có tài xẻ ván gỗ lim; *Lệ Sơn*, *Hà Lạc* vụng thuần dưỡng trâu rừng. Đất *Đại Đan*, *Tùng Chát* thì lúa gặt vụ thu, người *Lương Xá*, *Hải Hạc* giỏi nghề bẫy thú. *La Hà*, *Tân Lễ* đánh cá có tài, *Lũ Đặng* sống với nghề dệt vải. *Di Luân* làm mắm muối kiếm lời.

Còn như *Thuần Thân*, *Lương Xá*, gái rong chơi sao lại có nhiều; *Tùng Chất*, *Phù Lưu*, món thuốc độc vẫn dùng sao nữa? Người giàu có ở *Lệ Sơn*, ngu sao đành hiến con gái cho người; kẻ dâm phụ làng *Cao Lao*, ác tâm giết chết cả chồng; phải chăng tập tục bất thường mà sinh ra thế?

Phủ Tân Bình

Đất thuộc châu Ô, sông tên *Lệ Thủy*. Non nước thiêng liêng (Minh Linh), nhân dân giàu có (Khang Lộc). Đất gồm Bồ Chính, chung cõi Tân Bình. Tòa thành *Ninh Viễn* có thể phòng ngự sông dài; ngôi miếu *Văn Tuyên* trông xa về *Lỗ Xá*. Miếu thánh nương có dòng nước bao quanh; đền *Văn Trung* có núi non châu lại. Dải núi *Hoành Sơn* chót vót, sắc thu càng cao; hang động *Chân Linh* thăm thẳm, hoa xuân còn mãi. Núi *Đâu Mâu* ngỡ nơi *Đâu Suất*, non *Ma Cô* trông tựa *Cô Thần*. *An Mã* nhọn cao, thế thẳng vút mấy tầng *Vân Hán*; *Thần Đình* trôi vượt, mây mù tỏa mấy trăm châu.

Đất trường sa là ngôi nhà lớn, trời biển cả là lọng phủ che. Núi tên *Lễ Đệ*, như dáng hổ phục tầng tầng; vực gọi *An Sinh*, có thể rồng nấp dưới đáy. Núi *Chuông* un đúc do tạo hóa, vũng *Chùa* khai bởi thần công. Bạt thuyền ở *Thái Cảng*, còn phảng phất dưng khí *Đặng* tướng công; giăng lưới ở *Lôi Lôi*, còn truyền anh linh *Khổng Viên Giác*. Mênh mông thay nguồn *An Đại*, cuộn cuộn thay dòng *Bình Hồ*. Miếu cổ thôn *Bồ Khê*, miệng còn truyền tiếng tằm *Phạm* sứa; đền thờ *Lan Cảng*, mắt còn ghi dấu tích *Mai* công. Núi sông *Tân Lệ*, trời đất *An Bài*. Sông *Tiểu giang* chảy qua chín dặm về nam, *Trần* công trải qua chức *Tam ty* trọng yếu; trường thành chắn phía bắc làng *Uẩn Áo*, *Nguyễn* công giữ một phương quan ải. Cõi bờ khuông phù nước *Việt (Phụ Việt)*, thời tiết nắng nôi (*Đông Dương*). Ôn phước ngàn năm (làng *Tuy Lộc*), un đúc cùng với mây lành; *An Toàn* mười hộ, khí nuôi dưỡng cũng từ nơi măng đá. Nước *Hoàng Trung* vây bọc bốn phương, núi *Lễ Thượng* mở ra tám hướng. Mái tranh *Bùi Xá*, đất bùn nguồn trời tạnh chưa khô; liếp cỏ *Lâm Sài*, gần núi non, đêm về càng lạnh. Cô quạnh làng *Ngô Xá*, nước bao quanh sân, rợn một màu xanh; điểm cỏ thôn *Kỳ*, núi giăng ra đưa làn khí mát. Nước lụt rút, đầm vàng trong vắt (*Hoàng Đàm*); trứng sâu nở, sấm xuân vừa dấy (*Xuân Lôi*).

Cảng sâu *Chu Xá*, yên hót rồi bay; đất sản *Đơn Sa*, người khỏe mà trường thọ. Cây dừa dưỡng thứ nước tự nhiên (*Da Môn*), *Mai Xá* chứa mùi hương vô tận. Trời tạnh mở ra núi non *Đơn Duệ*, dáng thu gầy guộc; trăng lặn phía bên, bóng nhận lẻ loi. *Đặng Đê* nước ngập mặt đê, *Võ Xá* núi quanh thôn xá. Trong xóm *Trúc Lâm* đầu thiếu người hiền, nghỉ ngơi bên trúc; giữa làng *Luong Xá*, *Thạch Bàn* nào thiếu quân tử cột rường. Làng *Lệ Môn* nhiều phong thái hào hoa, đất *Phan Xá* khoe danh văn vật. Trước rèm *Dương Xá*, dâng tử mặc sức múa ca, trong đình *Lan Hương*, giai nhân âm thầm phô sắc. Thôn xóm vào xuân, rục rờ nụ hoa (Cao Ngạc); núi non sang đông, thông tươi đẹp mãi (*Trường Tùng*). Vài *Lệ Sơn* nhả ngọc tựa cô nàng trăm vẻ mỹ miều; quýt *Quất Xá* rây vàng, la liệt ngàn đầu tôi tớ. Thông *Tùng Hát* gió thổi khúc nhạc vi vu, thơm *Hương Da* hàm chứa phẩm chất trong trắng. Mấy đóa lan rừng mùi thơm then thùng lan tỏa; vài hàng tơ liễu, dáng gầy vì lẽ gì đây. Sương xuân xuống (*Xuân Mai*), liễu đã khoe mày; tiết trời hửng (*Thì Thái*), hoa đà nở nhụy. Vẻ vang đình viện (*Vinh Hoa*), quen người chim đẹp vờn hoa; tươi thắm vườn xuân (*Xuân Mỹ*), báo khách oanh vàng đua hót. Khóm trầu thơm (*Phù Lưu*), dây leo quấn quýt; bãi dâu non (*Tang Du*), cành lá rườm rà. Xuân tới *Vinh Giao*, mặt đường quen nên hoa cười mãi; trưa vào *Trung Quán*, tên chưa rõ mà chim tự reo. Giỏi tài may, *Kim Lũ* vừa phô áo mới; thạo chèo cạn, *Bồ Khê* đã nổi tiếng đồn. Núi xanh *Yêu Niểu* còn non, tóc mây vừa trang điểm lại; sông nước *Lệ Kỳ* trong vắt, sóng lòng vẫn chưa động xao. Gió thoảng qua cây mà chuông vàng vang tiếng (*Kim Linh*); xuân tràn khe nước, mà ngọn *Thủy Cản* tỏa hương. Khúc nhạc xuân hài hòa (*Hòa Luật*) khắp trời tươi sáng; màn sa trùm khóm liễu (*Sa Lung*), xem biết phồn hoa. Sân họ Tạ xưa, chồi *Thủy Lan* mới nảy; thêm *Chu Xá* cũ, ao *Lân Trì* sóng xao. Núi *Phù Tông*, khóm tùng tươi tốt như giống tùng Tương Lĩnh; đất *Phước Duệ*, vườn trúc xanh ngắt, là hậu duệ của trúc Kỳ Viên. Phía sau *Trần Xá*, dòng nước rồi thêm dòng nước; phía trước *Hoàng Xá*, núi non chập chùng núi non. Đầu tường *Mai Xá*, gió reo như tiếng còi rúc mây canh; ngoài đìa *Thủy Ba*, sen nở thoảng hương thơm mùi dấm. Đất *Kim Lô* nhà nhà tỏa hương; làng *Thổ Ngõa* nơi nơi chất phác. Cổ thụ trước chùa *Đại Phúc*, như bậc lão thành; hoa bay ngoài tường *Trường*

Dục⁽¹⁾, tưởng như lãng tử. Làng *Nguyễn Xá* gió hòa tiếng trúc, xóm *Mỗi Thôn*, móc thắm hoa đào. Xóm làng *An Xá* không có nha lại kêu cửa đập nhà, thôn bản *Cư Triền* nhiều mỹ nữ tô son điểm phấn. Mặt đất *Lan Thượng, Lan Hạ* tuyệt không bụi bặm; bầu trời *Nhĩ Hạ, Nhĩ Trung* bàng bạc màu mây. Nhà ở yên bên bờ Tây, ngõ chiều mở đón khách sơn dã; thôn xóm vui vầy, sân sớm quét rước người nha lĩnh. Quán *Trung Sơn* tuyệt không khách tới, nhà *Thanh Lăng* lại có mây về. Sắc xuân tỏa đầy sân *Hoàng Xá*, mặt trời lên hoa tựa nồng say. Làng *Lệ Môn*, gió đông thổi lướt qua, dấu oanh hót sơn khách còn ngủ. *Thụy Khê* cỏ biếc mọc bờ khe, *Cao Xá* mây tuôn quanh quán xá. *Phù Trạch* giảng dầy núi xuân, cô gái mây vợ vẫn nhớ ai; *Khuong Hà* gờn gợn sóng thu, chàng trai tuyệt thần thờ tiễn khách. Sáng sớm lò mờ, *Mô Nham* như tranh vẽ nhạt; dư âm vắng vắng, *Nguyễn Xá* chợt trở khúc buồn. Núi sông *Nguyệt Áng* tưởng chẳng còn đêm; cảnh sắc *Xuân Hồi*, vườn tược đều xuân. Khúc *Thử Luật* thổi lên, cỏ cây sinh sắc; vườn *Tang Ma* tươi tốt, làng xóm ấm no. *Thạch Ma* xanh mượt, một làng cây một làng sương khói; *Da Cốc* rườm rà, nghìn khoảnh ruộng, nghìn khoảnh ngọc châu, *Ngô Xá* sinh thành địa mạch, *Lộc Châu* gầy dựng tinh anh. Bờ bãi *Đình Bồn*, tiếng gà eo óc, tiễn vụ cấy xuân. Nhà cửa *La Hà* chó sủa rền vang mừng quảy cá về. Làng *Tân Sài* mây tỏa công sai, xóm *Tiên Trao* gió lay chèo quế. Chim biển *Hà Cừ* trót quên dò ngư phủ; cò tiên *Thạch Xá* làm mục búa tiêu phu. *Lỗ Cảng* nước tuôn theo dòng chính, *La Kinh* thấp ngập nước phủ sa. Vài gian điểm cỏ *Thủy Trung*, tiếng gà báo sáng; mấy thước ván cầu *Lan Thượng*, sương điểm dấu chân. Bên bờ *Sơn Tiêu*, giọng tiêu phu hò hát; đầu sông *Thủy Vực*, trở tiếng sáo mục đồng. Rừng *Thổ Ngõa* thấp thoáng chùa xưa, sương đêm tiếng chim xao xác; bên *Thạch Bông* lơ lửng thuyền chài, leo lét ánh đèn thấp thoáng. Bãi *Cơ Sa*, chim âu vờn mặt nước, làng *Cừ A* hoa cỏ mọc đầu bờ. Xanh nhuốm sông Trần, rồng mang khói sớm về động phủ; trắng đầy bến Việt, nhạn chở mây thu lại *Hành Dương*. Không điểm canh, đường núi vẫn bình yên thông suốt; thừa cửa đẽ, làng xóm nhà nhà đều vui. Sương sớm *Hi*

¹ Bản chữ Hán ghi là Ngô Dục, khảo chính là Trường Dục.

Sơn, tiêu phu kêu nhau ơi ới; chiều tà *Hải Chủ*, ngư ông cười hát vang lưng. Làng *Lễ Hạ*, trẻ con kéo xuống; xóm *Lâm Cao*, ông lão cao đàm. Đầu non *Thượng Lập*, trăng dọi thúc tiêu dùng búa; bên bãi *Cổ Than*, trời xế tiễn thuyền câu về. Sông Bình Giang trong vắt, bóng nguyệt gần người; bến Nha thoáng đặng, mặt trời như sát ngọn cây. *Ba Ngoạt Thượng* bờ cõi mịt mờ, tiếng quạ già gọi trẻ chăn trâu; *Thạch Lâm Trung* đầu non eo óc, tiếng bố cốc giục người cày cấy. Rùa vàng là bóng mặt trời (*Cánh Dương*), ngọc trong là vàng thô trắng (*Bạch Thố*). Bát ngát *Diêm Hà*, nhìn bốn phía tưởng như không đất; trong veo *Ba Ngoạt*, giữa dòng chợt thấy núi non. Gió mát đưa tiếng sáo mục trường; trăng sáng chiếu con thuyền *Cao Độ*. Linh Sơn sắc núi mơ hồ, trong mưa dáng vẻ diệu kỳ; *Bình Hồ* ánh sáng long lanh, trời tạnh thêm phần tươi đẹp. Nước *Minh Trùng*, *Uyên Trùng* tuôn chảy càng trong; núi *Thượng Long*, *Hạ Long* thể hình tương xứng. Bến *Phạm Xá* vang câu hát thuyền chài, cánh cò bay vút; sông *Di Luân*, nhìn ngắm núi, mái chèo đơn giữa trời bao la. *Hoàng Giang* khóa lại núi non, *Hoàng Xá* trải dòng nước biếc. Làng *Ma Cô* mở hội lớn, đạo thái thanh cao; xã *Lâm Cung* vầy cuộc cờ, tiên phong phóng khoáng. Vị ngon điều hòa *Đỉnh Nại*, linh căn trường thọ *Côn Bô*. Bóng chiếu xuống *Thu Thù*, trong vắt một vùng điện phúc quý, đất un đúc *Hải Hạc*, phong quang nào khác Dương Châu. *Phước Lộc* thì xây dựng danh hương. *An Chế* sẽ được vùng thắng địa. Một dòng nước *Nhĩ Trung* đáng là chi lưu sông Nhĩ; riêng dãy non *Hành Phố*, chỉ là tô tở *Hành Sơn*. Trời hiểm yếu, đặt *Võ Lao* kiên cố, địa hình khoe *Võ Tá* kiêu hùng. *Đại Đan*, *Tiểu Đan*, ngỡ là dấu vết thầy luyện đan thuở trước; *Đại Phúc*, *Tiểu Phúc* hóa chẳng là phúc địa linh thiêng. Am *Hương Phương* vượn cao trụ đá, chùa *Di Phúc* tượng Phật nghiêm trang. Cảnh chùa *Kính Thiên*, nghiêm nhiên hoa cỏ hướng dương; rừng thiền *Tiểu Phúc*, nổi bật lâu đài soi nước. Núi *Bạch Liễm* dáng hình khả ái; chùa *Kim Linh* cổ tích vẫn còn. Thảo am *Hồ Xá*, vượn dất con hiến dâng trái quả; chùa nhỏ *Tân Sài*, nai gọi bày miệng ngậm cành hoa. Bên chợ *Tùng Công* chợt thấy cánh hoa rơi; ngoài chùa núi chỉ nghe chim hót. Tiếng *Pháp Kệ* xao động dùi vàng, miệng niệm câu chân ngôn thông thánh. Tiếng lóc cốc nhịp mõ *Bi Dương*, âm hưởng dạy người thiện niệm. *Lai Cách*, Phật thường giảng hạ; *Cự Năm*, sư mãi tu trì. Chón *Trung Sơn*, cảnh

chùa u tịch, ngôi tháp giữa hư không; chùa *Cổ Diển* hiu hắt tiêu sơ, vang bóng ở gian nào. *An Thái*, xóm làng cùng nhau yên ổn; *Thịnh Lạc*, nhà nhà càng thịnh vượng hơn. Hang thăm *Ba Đông* sẽ thấy xuân về; cõi tĩnh *Thọ Phúc* tự nhiên tăng trú. *Tri Kiến* xưa là nơi đặt huyện; *Tả Bình* nay tức phủ Bình. *Thượng Lập* trạm dịch lộ vắng tanh, bên bờ hoa hay tiễn khách; *Nhật Lệ* thuyền tiên phát phối, bên tường én hót lưu người. Chợ *Cổ Liễu* nắng dọi mặt sông, trạm *Đôn Sa* mưa mờ sắc núi. Trống điểm nơi lầu trấn, một canh tàn rồi lại một canh; tiếng chày nện vãi chôn thị thành, ngàn chày lạng, ngàn chày khác trở. Áo chẳng mượn, vì có *Nam Liêu* gửi tới; sách muốn xem, *Thủy Bạt* làm nên. *Hang lan* tiếng nhạc ve thánh thót, gọi hứng lòng người; bãi trường sa chim ca riu rít, xao xuyên tình quê. Ngâm thơ *Đỗ Khúc*, uống rượu *Vân Lô*. Dòng tuôn *Hà Lạc*, nhớ mãi công cao thần võ; thời tiết trung hòa mới biết khí tốt *Dương Xuân*. *Phạm Xá* giữ nếp cũ gia thanh; *Trương Xá* xem thường môn phong cao quý. Thói quen thay đổi, chữ *Lỗ* người Việt kêu là số, phương ngôn có khác, chữ *Chính* nói lại *Chinh* (làng *Chính Thủy*). Nói hay, con trai *Cái Xá*; cười đẹp con gái *Tiểu Đan*. Ngõ nhà *An Trạch* rộng thênh, đáng nơi ở trượng phu; sông nước *Trí Tuyên* tuôn chảy, gọi niềm vui quân tử. *Phúc Thị*, *Phúc Thị Diển*, nhà nhà nhờ phước đức; *An Hương*, *An Do*, nho sĩ đều an. *Tùng Luật*, *Tùng Công* thay thói cũ tranh giành; *Hàm Hòa*, *Hàm Nhược* giữ nếp cùng chung sống. *Tùng Chất* thì phong tục bỏ xa hoa; *Quy Hậu* thì thói không kiêu bạc. *Thượng Xá*, *Trương Xá* thăm ơn giáo hóa; *Lữ Đăng*, *Hữu Đăng* thoát nổi cơ hàn. *Dân Duyệt*, *Tâm Duyệt* đều nhờ ơn đức; *An Lai*, *Tử Lai* vui lập công lao. *Văn Yển*, *Văn La* có phẩm chất tốt tươi văn sĩ; *Võ Khuyển*, *Võ Xá* đều có tư thế võ phu. Người *Duy Phiên* thì hoạn nạn giúp nhau; dân *Duy Viên* thì giúp trong phòng thủ. Làng *Tả Phan*, *Hữu Phan* nhà nhà đông đúc, gà gáy chó sủa còn nghe. Làng *Lê Xá*, *Đặng Xá* xóm thôn trù phú, khói bếp liền nhau. Tốt đẹp thay mảnh đất *Phúc Lương*, hẳn nhiên đầy bầu trời *Nhân Ái*. Địa thế *Cao Lao*, nhiều kẻ sĩ giữ bền khí tiết; nhìn xem *Thị Lễ*, đều theo nghĩa lễ nho gia. *Lại Xá* có tục giúp nhau; *Liên Luật* thói không chịu nhục. Một nhà băng tuyết, mừng có *Tân Lang*; nhiều đời phong lưu, há riêng *Hạ Duệ*. Nghi lễ thì noi theo *Tân Lễ*, kính thành theo phép *Cổ Trai*. *Chương Trình* khá xét, ắt tỏ ra kĩ xảo. *Hiển Phạm* đáng noi, thầy chớ

phạm giáo điều. *An Bần* khỏi lo bần khổ; *Sùng Ái* hẳn biết ái nhân. Đất chẳng đòi công khai sáng, *Lỗ Ngụy* vẫn là bờ cõi cũ. Đòi chẳng thiếu người, *Hoắc Đặng* có kẻ lập nên cơ nghiệp. *Cổ Hiền* nêu cao tục cổ, *Thuần Thần* khí tiết càng thuần. *Minh Ái* được tâm lòng, không riêng tư, không làm lẫn. *Trung Trinh* nêu được chuẩn, không lệch không nghiêng. *Lễ Trung* cẩn thận trong gìn giữ; *Trung Lập* thì chẳng ngã nghiêng. Giao tiếp mà không đến thì không kính trọng, cần tỏ lễ văn (làng *Biểu Lễ*), sự vật không gì không biết, nghĩa lí sáng soi (làng *Minh Lý*). *Mật Sát* là xét bên trong mà phòng thủ; *Trung Kiến* là ngay thẳng mà không quy lụy. Thấm nhuần rằng sức dân như nước, làm cho *Đức Phổ*; che chở dân như rừng nghĩa, đáng kể *Viễn Tuy*. *Hòa Duyệt* là sai khiến dân vui vẻ một lòng; *An Mỹ* là cùng nhau lên cõi đẹp. Làm điều đã học, làm theo lễ nhạc, học lối *Khâm Kỳ*; dùng cho nhà, dùng cho nước mới là *Hữu Bô*.

Có cảnh ấy, tất có người ấy. Trời và cảnh cùng tươi mới, cảnh và người cùng hòa hợp. Dẫn đến khí tượng nước Ngô, phong vật nước Sở cũng chẳng còn gì thêm. Duy phong cảnh của trời đất đổi khác, nên con người thụ hưởng càng hay. Riêng mảnh đất địa linh này đã un đúc nên nhân vật, phẩm chất ngay thẳng, rèn luyện chân thành. Học tập tinh thông thì phong thổ tự nhiên sẽ thay đổi lớn. Phong cảnh càng kì diệu, lại càng tươi đẹp. Nếu không thế thì sẽ siểm nịnh không biết liêm sỉ, theo thói gian mà làm hại đất nước, làm lụy đến phong thổ, dù có bạc vàng đan sa đi nữa thì cũng chẳng quý báu gì.

Phủ Triệu Phong

Lời bình: Đã có núi sông này, tất có phong cảnh này. Lời xưa dạy rằng: phong cảnh dù không khác, nhưng nhìn xem non sông vẫn khác, chính là nói về việc này. Lộ Thuận Hóa nước Việt ta, ở tận cùng phương Nam. Phủ Triệu Phong gồm năm huyện, non sông tươi đẹp, ruộng đồng rộng rãi, nhân dân đông đúc, là một nơi trọng yếu nhất. Cảnh sắc đa dạng, phong vật tốt xinh, không gì thêm nữa.

Nhưng xưa nay khi bàn về phong thổ, người ta thường dựa vào địa khí rồi nghiệm ra nhân vật. Bởi vì phong thổ và nhân tâm vốn cùng một lẽ. Phong thổ tốt hay xấu, nhân tâm hậu hay bạc. Thế thì bàn luận về phong cảnh của Triệu Phong thì phải xem xét phong thổ

Triệu Phong tốt đẹp chẳng, nhân tâm thuần hậu chẳng. Từ đó sẽ rõ: Dân đều thuận hóa, thời hòa tốt tươi (*Triệu Phong*), bờ cõi vững bền (*Vĩnh Cố*), thấu gồm phong cảnh (*Bao Thu*). *Thương Sơn, Quy Sơn* là hình thể hùng tráng của đất. *Tả Giang, Hữu Giang* là hào rãnh uy nghiêm của trời. *Vân Sơn*⁽¹⁾ ngàn dặm ngút trời, *Linh Giang* dạt dào muôn nhánh. Mù mịt *Hải Vân*, màu biếc giăng như dải tóc mây; nghi ngút *Hương Uyển*, sắc lục như khói mờ tha thướt. Sông dài gợn gợn sóng xao, biển cả bao trùm vũ trụ. Lâu thành *Hóa Châu* trắng dội, trong sương lính thú rúc kèn; trường học phủ Triệu như mây, gió thoảng đưa tiếng mõ tụng trường. Trong chấn *Văn Phong*, ngoài hưng *Võ Vệ*. Bóng sớm tờ mờ, đường *Hải Khang* phát phối cờ bay; không chút khói lang, ải *Hải Vân* om sòm cờ trống. *Điện Bàn* thể mạnh, *Văn Quy* cùng nguồn. Địa hình *Võ Xương* hiểm yếu, đất *Hải Lăng* thấp mà lại cao. *Kim Trà* có thứ trà ngon, đứng đầu bách thảo; *Đan Điền* thì đồng điền màu mỡ, khắp cả mọi làng. Ngắm xem cõi bờ *Ô Lý*, mới biết đất thiêng tốt đẹp. Miếu *Tùng Giang* có tùng cổ thụ, đền *Nam Hải* có trúc rất to. Ngôi chùa *Hoàng Phúc* un đúc được phúc vô cùng, tòa miếu *Minh Uy* uy nghiêm đáng sợ. *Kim Hoa* gắn ở điện chùa, thủy tộc nêu trong điện lễ. Chùa *Sùng Hóa* hàng năm khăn mũ rộn ràng, miếu *Thai Dương* đời đời xuân thu tế lễ. Làng *Triêm Ân* nơi nơi thấm nhuần ơn huệ; xã *Vĩnh Lại* người người mãi cậy nhờ. Ngôi miếu thờ *La Chủ* là nền móng cũ của Hà công, tòa *Hóa thành* cao trăm trượng là yết hầu của vùng *Thổ Rí*. Thừa ty dựng cạnh đô ty, phủ trị gần bên hiến trị. Khoảnh đất hiến phủ sạch trong, *Thế Lại* nhờ ơn, miếu thờ *Đặng công* trung nghĩa, *Thế Vinh* nêu tiết, *Nại Cửu* giữ vững kiên trinh, *Bất Nhị*⁽²⁾ một lòng trung thực. Người người đều nghĩ về vang (*Tu Vinh*), nhất nhất tôn thờ nhân chính (*Phụng Chính*). Võ ra sức *Phấn Võ*, văn tốt đẹp *Luong Văn*. *Đại Nại* đủ sức làm lưng, *Văn Sát* thuận lợi giữ gìn. Đời tiến vào *Bình Trị*, tục trở về *An Ninh*. Người được *Trường Sinh*⁽³⁾, dân đều *An Cựu*. Nghiệm coi *Quảng Hóa* nhanh tựa *Đức Bưu*. Nam thì *Dũng Cảm*, *Tài Lương*, nữ thì *Đoan Trang*, *Cần Kiệm*. Cửa

¹ Bản A.263 chép chữ Lôi Sơn, khảo đính Vân Sơn

² Bản A.263 chép là Bất Thắc, khảo chính là Bất Nhị.

³ Bản A.263 chép là Sinh Trường, khảo chính là Trường Sinh.

nhà mãi mãi phước đức (*Vĩnh Phước*), trên dưới cùng vui hoan hỉ (*Câu Hoan*), *Ái Tử*, *Nhạc Nô* nhà nhà đáng phong tặng, *An Nhân*, *Tri Lễ* người người phẩm hạnh khá khen. *Hiền Sĩ* phong lưu, *Đại Hào* khí khái. Tay dò thăm hang *Nguyệt*, chân bước tới thang mây (*Vân Thê*). Phước đức tràn thôn xóm, thư *Kim Nê* báo tin mừng. Xuân tới trăm nhà, tiệc *Kim Lan* chung hưởng vẻ vang. Tương nhớ bề tôi tốt (*Lương Cổ*) khuyên cùng kính mệnh trời (*Đồng Di*). Phong thổ *Câu Nhi* tuần dật, Bùi tả thị nổi tiếng công khanh; sắc nước *Hà Khê* trong vắt, *Lê Thượng Thư* xứng danh cự học. *Đức Trọng* đời đời, nhâm thâm khắp dân (*Nhân Triêm*). An phận nghèo chẳng đổi niềm vui bầu *Nhan Tử* (*Nhan Biều*), cùng chuộng lễ, theo thói phong thuần *Lỗ Xá*. *Liễu Cốc* thanh cao, *Trúc Lâm* vui thú. Biết thẹn điều ác, tính người đều đủ *Nghĩa Đoan*; đi đúng đường ngay, mọi người đều theo *Nghĩa Lộ*. *Thủ Lễ* tự mình cung kính, *Kim Giao* tất tín với người. *Dương Mông* đội ơn nuôi dưỡng tấm thân, *An Lạc* vui hưởng ơn phước thái bình. Nhà *Trâm Hốt* giữ gìn cây hốt, vật cũ còn truyền; kẻ sĩ *La Vân* tươi đẹp như mây, nho phong chưa mất. Người từng truyền kẻ sĩ *Điếu Ngao*, đời há hiểu những người *Đức Ký*. Chí sỹ ôm tài (*Hoài Tài*), đại phu hùng tráng (*Tráng Liệt*). Học trò uyên bác thi thư, đời được cậy ơn (*Lại Ân*); nhà nông hát khúc được mùa, người đều *An Nghiệp*. Dân *Cư Hóa* dễ bề giáo hóa, người *Vinh Hoài*, há chẳng nhớ hoài. Dân *Lại Thị* đi buôn sinh sống, chợ cất nhiều hàng; trò *An Lưu* yên ổn giữ gìn, thanh danh truyền được. *Lai Nghi* thì biết tính vật cũng linh; *Lai Cách* là biết lòng người dễ cảm. *Minh Nông* vui thú cày; *Khúc Ốc* thối, ngựa trâu ra bãi. Trời đất *Vĩnh Ấng*, non nước *Bao La*. Cảnh đẹp *Võng Trì* hơn hẳn *Võng Xuyên*, phong thái *Hán Xuyên* y như *Hán Thủy*. Vàng nảy trong vườn, đào hồng say đắm; gấm lụa (*Cẩm La*) ngoài thôn, liễu xanh còn ngủ. Con gái *Bích Trâm* điểm trang mái tóc; góa phụ *Kim Khuê* vẫn khóa buồng xuân. Tiết trinh giữ vững là con gái *Hóa Khuê*, *Chính Lộ* noi theo là đại phu nghiêm chỉnh. Phong tục *Bái Đáp* chuộng lễ, thói làng *Dũng Quyết* thích cương. Trai tốt *Sơn Tùng* biết giữ khí tiết như tùng; gái đẹp *Tân Lan* nào quên lòng trong trắng tựa lan. Đất *Dương Nỗ* un đúc trai khỏe, nước *Hoa Hồ* nuôi dưỡng gái xinh. Chợ *Đan Lương* đường hoa xóm liễu, mời khách ngắm nghĩa dáng xuân, làng *Tiền Thành* quán Sở lầu Tần, sắc đẹp say người vô

số. Gái *Diên Cát* theo việc nữ công, trai *Minh Châu* hiền lành bậc nhất. *Niêm Phò*, *Phò Niêm* ngấp nghé qua tường vách; *Thế Lại*, *Lại Thế* buôn bán cùng nhau, *Trương Xá* khoa trương nhà cửa; *Võ Xá* ham chuộng võ biên. Tiệc trà *An Cựu*, trà cánh nhỏ thơm hơn nhụy ngọc; mâm cỗ *Diêm Trường*, cỗ cá mú cắt khéo như tơ bạc. Trạm *Nha Nghi*, áo mũ rộn ràng tựa tranh vẽ, cầu *Bao Vinh* ngựa xe tấp nập như mây. Làng *Lại An*, gà gáy sáng, giục thương khách tài lợi cạnh tranh, chợ *Thế Lại* còi thổi canh đầu, thúc giai nhân phấn son trang điểm. *Thuận Thành* thông đường thủy bộ, cửa Eo hội tụ thuyền khách bắc nam. Tim sư vài lão chống gậy trên đường (*Phò Lê*); bán rượu dấm bà hạp khách trong quán (*Hội Khách*). Đất tuy xa tốt (*Luong Viễn*), dân vẫn *An Cựu*. Giao tiếp theo lễ, cư xử nhân ái, thấy đều hòa mục (*An Mục*); thuê khóa khoan, sưu dịch giảm, mới được *An Thư*. *Đốc Sơ* thì thói lễ đốc hậu, *An Nghiệp* thì phong tục an lành. Yêu mến bà con, kính trọng người lớn, lòng thương yêu với đức nhân (*An Nhân*); giàu tốt đẹp nhà, đức tốt đẹp thân, trong người thoải mái (*Thư Chi*). Điềm lành (*Tích Tường*) ngày càng đến, *Phúc Lộc* ngày càng thêm. Thực khí hòa điều (*Điều Hòa*), gió nhân tỏa khắp (*Đại Áng*). Sao Đẩu chỉ về đông thắm nhuận ánh nắng *Dương Xuân*; mặt trời mọc lên cao, đua nhau ngắm nắng tươi *Dương Lệ*. Mưa thắm khắp tất cả nhờ ơn (*Bàng Trạch*); vật điều hòa, thấy phô tươi tốt (*Hữu Điều*). Quạt *Dương Phẩm* phát lên, thế giới xanh tựa thiều hoa; ánh *Nguyệt Biểu* tỏa rạng, núi sông trong sáng vô ngần. Sấm lành (*Thụy Lô*) thì muôn loài nảy sinh; sương ngọt (*Cam Lộ*) thì cỏ cây tươi nhuận. Nắng mây che (*Vân Dương*), vật hữu hình thỏa sắc ngắm trông; trời soi (*Dương Chiếu*), muôn loài thắm nhuận sinh trưởng. Xóm *Luong Mai* thắm sương mà kết trái, thôn *Trúc Liêu*, mưa ngọt măng xinh. *Động Giám* sáng tươi, sắc thu chiếu dội, nhân văn quang rạng, dự báo *Thanh Lê*. Ngắm sương *Thạch Bô* thơm ngát; đắm móc, *Thạch Cấn* càng tron. Muôn vật thỏa *An Toàn* nguyện ước, nhà nhà ca *Đa Thử* câu thơ. Gió *Lâm Lang* đưng đây, từng nghe từ Hạ công, mâm cau trầu la liệt (*Phù Lưu*) trọng nhất ở Nam Giao. *An Việt* cũng là cõi bờ nước Việt, *Phò Lỗ* phảng phất phong cảnh *Lỗ Hương*. Cá *Hòa Duân* thái nhỏ, mâm đầy làm mặt hồng thêm; rượu *Tân Nộn* vị ngon, ấm áp khiến cho má ửng. *Lôi Sơn* chính là đất dâu gai, *Đào Cù* phải chăng là nung gạch. Câu nói đầu năm, đầy đủ (*Đại Bị*) khuôn thước gia đình; được mùa

cúng tạ, mới hay hương lễ *Đa Nghi*. Làng *Bộc Môn*, quýt mọc thành rừng; vườn *Lễ Khê*, tiêu trồng khắp cả. *Lại Bằng* mít nài đáng quý, coi rõ mận đào; *Phò Trạch* sen hồ phơi phơi, khinh cả liễu hoa. *Cam Đường* tỏa tán rườm rà; *Phong Hồ* soi bóng so le. *Tùng Chiêm Sơn* vững gốc, rường cột cửa nhà; trúc *Nông Sơn* đốt cứng, cốt cách phong sương. Ráng phủ núi chiều như lụa là giăng mắc (*La Ý*), mưa tưới cỏ hoa, làm nẩy nhụy *Kỳ Ba*. *Mai Quán* đêm sâu, sừng rúc báo canh ba; *Hương Triền* trưa vắng, chuông ngân thoảng dặm ngàn. Gốc *Sơn Tùng* chẳng rụi, mùi *Hương Cẩn* ngát thơm. Xuân khắp trồn *Sài Tang*, khí nung châu ngọc âm; gió thoảng tới khe *Tùng (Tùng Giản)*, tiếng tựa sáo đàn vang, *Liên Trì* là hai cỏi *Tây Hồ*; *Trà Trì* tựa hai vườn bắc uyển. Cây rừng rợp lũy (*Uát Lũy*), cỏ thụ một bờ xuân; đất rộng *Nha Nghi*, thành bao ba mặt nước. Sớm rừng *Đông Lâm*, tiếng chim uyển chuyên; chiều bến *Hạ Độ*, cánh vạc thu bay về. Say mộng *Phương Lang*, gọi dậy trước sông đà tỏa nắng; bước thăm *Hoa Ngạn*, giục về khi nắng chưa tà. *Kim Quát* đắm sương vàng rục, *Thủy Loan* mưa dội xanh um. *Đông Dương* nhà sát biển, thấy mây ven biển sắc hồng; *Nam Phù* nhà ở bên khe, nhìn cỏ bên khe nhuốm biếc. Trúc nước *Vệ* dòi sang *Trúc Kính*; *Cam Đường* Chu chen chúc ở *Đường Pha*. *Viễn Trình* sửa soạn hành trang, *Cổ Bưu* lo đưa tin tức. *Trúc Giang*, *Kỳ Trúc*, gió mát thoảng đến bên sông; *Đan Quế*, *Trung Đan*, bóng tháp lồng bên bóng quế. Chén rượu đa tình *Lưu Bạ* lại, cơn gió hữu ý phảng phất vào (*Phi Thát*), *Hương Da*, *Hương Lan* trước thềm hoa rợp đất; *Vân Dương*, *Vân Động*, ngoài cửa chim nhìn người. Nước rút châu về đông (*Triều Đông*), núi dài như mài dũa (*Như Lệ*). *Trà Kệ* đường trạm ven sông, *Diêm Trường* làng chài ven biển. *Lỗi Sơn*, *Lệ Sơn*, chùa làng bên vách đá, chênh chênh lối mòn; *Hoài Phó*, *Cẩm Phó* nhà chài thấp thoáng trong tre, he hé cửa song. *Cẩm Đãng* leo lét hoa chúc động phòng, *Cẩm Lệ* thấp thoáng giai nhân cười nụ. Điềm cỏ *Vân Hoài*, rèm thưa trắng dọi tới giường, nhà sàn *Vân Quạt*, thềm lạnh trùng rúc chỗ ngồi. Làng *Ô Kha* vang tiếng búa tiêu; xóm *Liễu Cốc* vọng lời chim núi. *Liên Trì* đầy ngọc, mùa hè giương cao lọng che mưa; *Cúc Lũy* phô vàng, trời đông chẳng đổi cảnh ngạo tuyết. Làng *Hoa Viên* trắng tròn vành vạnh; sông *Bằng Lãng* gió thuận sóng êm. *Tân Bá*, một sợi tơ câu nguyệt; *Ba Lỗi* mây mầu ruộng cày mây. *La Chủ* non xa, cầu vòng thu sương ngàn núi; *Lãng Châu* sông cận, thủy

triều mở cửa sông trời. Giao long ẩn nấp vực thẳm *Lãng Xuyên*, cá tôm nhớn nhơ bên bờ *Hà Đá*. Chùa *Long Đồi*, từng nghe đồn thổi nơi này; am núi *Phụ Ô* chưa nghe nói năng chôn đống. Xa thẳm núi tỏa màu xanh (*Diên Đại*); cuộn cuộn sông chảy vào hồ (*Đồng Hồ*). Bên giãng *Mộc Hãn*, cá sấu tránh đi; ngoài vườn *Thạch Hãn*, chim về lữ lượt. Núi *Nam Bi* thể mạnh giữ vững phương Nam, khe *Đông Bàn* tuôn chảy vào đầm phía đông. Mưa *Dã Lê* làm tươi tắn lụa là, gió *Hoa Thử* thơm tho bán trái. *Cổ Tháp*, *Cổ Bi*, phong cảnh còn xưa cổ; *Trà Đình*, *Trà Bát* thú vị mới manh. Nền cũ *Cổ Thành* vẫn còn đó, dòng *Cổ Kinh* chảy mãi vô cùng. Dâu *Cao Đồi* buồng rữ cành xanh, đầy hòm tuyết trắng; lúa *Đông Dã* thướt tha xanh muốt, rợp lũng mây vàng. Núi *Mông Lĩnh* thất tựa lưng ong; sông *La Khê* chia như đôi én. Vách núi *Diễm Sơn* cao quá tầng mây, tranh đua *Cẩm Phố*. Tùng *Duy Sơn* cách hẵn mặt đầm, tầu lên đàn sáo. Đất xếp đặt cõi *Tân Chu*, trời đào đắp nơi *Cổ Lũy*. Sông *Đâu Kinh* ngõ núi *Đâu Suất* cõi tiên; làng *Chiết Bi* tựa hồ thắng cảnh *Chiết Giang*. Sông *Hà Khúc* chảy ra khuất khúc, đường *Lại Bằng* đi lại thẳng bằng. *Lãng Uyển* xuân nồng, ngõ là thế giới cõi tiên, *Ôn Tuyên* ngọc đẹp, tựa như phong thái quý phi. *Yến Nê* xuân về én liệng, *Vân Đóa* hè đến núi bày. Mùa thu *Vĩ Dã* trời cao, nhận sải về Nam; xuân tới *Mai Đàn* khí ẩm, cành nảy chồi Bắc. Cửa Eo ngấm nhìn sáng sớm, trạm *Linh Giang* xem sóng buổi chiều. *Long Hồ*, *Bình Hồ* gió thổi buồm giương no cánh; *Bồn Phố*, *Trạch Phố*, mưa xuống, nước chớm tràn đầy. Đầm *Thanh Lam* nước nổi màu xanh; nước *Bích Đàm* lao xao sóng biếc. Sông từ *Thế Chí*, đôi bờ nước ánh bóng cây; nước tự *Hoài Lai*, thuyền rời núi trở lui về chợ. Ngàn khoảnh *Thủy Ba* ngàn khoảnh nguyệt, một khe *Tô Đà* một khe hàn. *Thượng Đô*, *Hạ Đô*, núi lộ ngoài mây cao vút; *Thượng Đô*, *Hạ Đô* trắng dát bạc bên sông. Nước *Hà Mi* một vùng eo nhỏ; người *Độ Khẩu* rải rác mấy người. *Hà Lương* tiền biệt nói chi: “Nào có một người”. *Quán Khách* gặp nhau, mừng được “rượu ngon đãi khách”. Thuyền *Hạ Độ* lẻ loi chở khách, chèo *Đông Xuyên* lớn bản đưa người. *Kim Sa*, *Bình Sa*, bay vút mấy đàn cò trắng. *Quê Chử*, *Bồn Chử*, chèo về mấy chiếc thuyền chài. *Linh Chiêu* đầm nhiều cá; *Phổ Trì* mấy độ trăng tròn. Chùa *Mộc Linh*, lốc cốc tiếng mõ mộc ngư; am *Ưu Đàm* nở đầy hoa ưu bát. Sương bủa *Đạo Đầu*, khách đường xa qua lại; sương tan *Cẩm Thị*, bốn phương Nam Bắc mấy người. Đi về *Lôi Trạch*, sương đầy

nón lá; qua lại *Bồ Điền*, mưa thấm áo tôi. Trong động *Kim Ngưu*, mây đưa mục đồng cỡi nghé; bên khe *Thạc Giản*, vại ông lão buông câu. Chợ *Kim Lũ* cá bày la liệt, bãi *Tử Sa* nhận lạc *Bình Sa*. Rau đắng đỏ thắm bãi *Kế Môn*, mấy bác tiều phu ca hát; rau tần trắng toát bên *Ba Lãng*, thơ ngâm réo rắt bên bờ. Ông sãi gióng chuông *Phổ Lại*, lão chài hát khúc *Dương Loan*. Chùa núi *Đường Long*, nửa gian sư, nửa gian mây thắm; đình sông *Thanh Khê*, muôn khoảnh sóng, muôn khoảnh màu lam. Sông *Hà Bá* chảy ra cửa Việt, sông *Hà Cung* chảy tới cửa *Eo*. Đầu bờ *Bác Vọng*, sông nước sinh nhai; trong xóm *Ông Gia*, ruộng vườn kiếm sống. Lòng người *An Hòa*, địa hình vững chãi (*Bàn Cổ*). *Lang Xá*, *Phạm Lang* lơ thơ điếm cỏ, trắng dọi đầy sân. *Giản Đông*, *Quá Giản* xác xơ lều núi, mây lồng cửa liếp. Chiều *Hà Lộ* chim chóc trở về, đêm *Chử Hồ*, sao đơn thuyền chiếc. Đầu bến *Dã Độ*, còn tưởng thuyền giăng mạnh mẽ; trên cầu *Đan Điền*, nhớ mãi câu hay đề trụ. Cầu *Tân Lan* cảnh trí cảm người, chợ *La Miên* phong quang ngợp mắt. Bến tên *Ông Trấn* hồi tưởng bậc trung thần báo quốc; bãi gọi *Bà Lưu*, gọi nên kẻ khoa danh tài tử. Thôn *An Lộ* trẻ con thối sáo; làng *An Lạc* bô lão vui ca. Chân tới *Tiểu Khê*, những mong thú vui tắm suối; ngày qua *Hồ Đình* gắng sức ra công điều đình. *Thị Lại* có tục giúp nhau; *Mông Nghệ* lợi không để lại. Thôn xóm *An Triền*, chỉ mong làm dân đời vua sáng; qua cửa *Tư Khách*, giục khách du tử gọi tình quê. Đường *Thượng Lộ* bằng phẳng tha hồ tiến bước; lối *Duyên Đồ* hiểm trở thích hợp xe đi. *Thu Hải* mặt trời chưa xế, thuyền khách thừa gió lên đường; *Thủy Bạt* sương vừa sa xuống, ghe chài chờ nguyệt trở về. *Gió Trung Tuyên* vi vu tiếng suối; núi *Đông Hồ* cùng một sắc hồ. Lũ phóng đăng ở *Tây Thành*, giông thuyền cùng chệ nguyệt; hát khúc ca *Nam Phổ*, nàng tuyết cùng ngồi. Cửa giàu xưa gọi là *Linh Vũ*, đất phì nhiêu trước gọi *Mỹ Lang Da*. Thuyền lẻ loi qua cửa sông *Hà Bá*, bạn chài sợ hãi rét run; đầu non *Phù Bài* lơ thơ điếm cỏ, bọn khách thơ ớn lạnh. Sông *Ngã Ba* tràn ở đầu nguồn, dòng *Tam Chế* xuôi về cửa biển. Ngoài xóm *Phù Ba* mọc đầy hoa thơm cỏ lạ, đầu ghềnh *Thạc Lại* phô cảnh gió mát trăng trong. Nước xanh (*Lam Thủy*) mấp mé bờ đê dương liễu; quán mới (*Tân Quán*) đối xứng khóm phù dung. Đặt tên *Tín Lý* để nhắc Lý nhân là tốt, nêu cao *Sư Lỗ* ngõ hầu tục *Lỗ* còn theo. *An Đô* ngợi ca lòng người quân tử, *Dương Hóa* hổ thẹn nói xấu tiều nhân.

Thâm nhuần giáo hóa tác thành, mừng được *Quân Mao*; un đúc hài hòa phong tục, đáng khen *Bát Khải*. Cầu mong trở về với mệnh (*Quy Lai*), nét đẹp chẳng phải tìm đâu (*Phỉ Tha*). Thờ thánh như *Tam Vô*, kính noi thiên đạo; quyền vua thông *Cư Hóa*, trước sạch trên nguồn (*Thượng Nguyên*). Sự nghiệp *Toản Vũ* lớn lao, chính sách *Địch Khang* cần gấp. Trên thể hiện đạo lí *Công Minh*, giữ lòng khắc kỷ; dưới tập hợp kẻ hiền *Phiếm Ái*, nối gót trông nhau. Theo dòng giữ cõi (*Lưu Bảo*) ra ơn yêu người (*Thi Lại*). Tình người *Đâu Động*, tánh thiện *Bao Vinh*. *Di Luân* đầy đủ (*Đại Cụ*). Giáo hóa thịnh hoà (*Vĩnh Hưng*). Ước triệu người dân thầy đều yêu kính (*Phò Đái, Ái Đái*); vương vức ngàn dặm, cùng hưởng *An Khang, Phú Khang*. Thế thì non sông ấy, phong cảnh ấy sẽ cùng trời đất trường tồn vậy.

Nếu không lấy người mà nhìn cảnh, không lấy tâm tìm kiếm cảnh, mà chỉ lấy hình tích xem cảnh, thì chỉ là nói suông- phong hoa tuyết nguyệt mà thôi, lấy gì làm quý vậy.

[Nguyên chú: mỗi ngày bãi châu xong, tôi ngồi tại bộ xem khắp bản đồ đất nước và tên các làng xã, huyện trong phủ Tân Bình, Triệu Phong, mới tùy hứng viết hai bài này. Đại để lấy tên làng để gợi ý, vì thế trong đó tuy giống tên, nhưng chẳng phải là sự thực, được đăng này lại mất đẳng kia, không khỏi gò ép, sai sót. Xin chờ các bậc quân tử học rộng, nghe nhiều lưu tâm bỏ chính cho].